

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Biểu mẫu 18E
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Thủ Dầu Một
Năm học 2020 -2021

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, báo cáo tốt nghiệp
Chương trình: Quản lý Tài nguyên và Môi trường

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên Người thực hiện	Họ và tên Người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1.	Đại học	Nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu dân cư trên địa bàn thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Đào Minh Lộc	ThS. Bùi Thị Ngọc Bích	Bài báo cáo tốt nghiệp đã tập trung giải quyết các nội dung quan trọng sau đây: 1. Điều tra, khảo sát hiện trạng nhằm phân tích, đánh giá những mặt tích cực và tìm ra những tồn tại, bất cập về công tác thu gom và quản lý nước thải sinh hoạt, nhằm mục đích tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường theo hướng bền vững chủ động nghiên cứu việc tái sử dụng nước cho mục đích tưới tiêu công viên cây xanh. 2. Dự báo dân số, lưu lượng nước phát sinh đến năm 2030 từ đó tính toán nhu cầu đầu tư xây dựng hệ thống thoát, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt cho thành phố Dĩ An. 3. Đánh giá hiệu quả về kinh tế trong việc tái sử dụng nước thải sinh hoạt sau xử lý cho các mục đích tưới tiêu công viên- cây xanh và cây xanh vỉa hè đến năm 2030. Phân tích và so sánh được tổng chi phí của phương án sử dụng nước thủy cục và phương án sử dụng nước thải sinh hoạt sau xử lý cho nhu cầu tưới

					tiêu công viên cây xanh và cây xanh vỉa hè, cái nào tiết sẽ tiết kiệm được nguồn kinh phí lớn hơn. 4. Đề xuất các biện pháp quản lý tổng hợp nước thải sinh hoạt phát sinh nhằm ngăn chặn tình hình ô nhiễm nước trên địa bàn thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng quy định về quản lý quy hoạch thoát, thu gom nước thải. Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng quy định về quản lý quy hoạch thoát, thu gom nước thải
2.	Đại học	Đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý và đề xuất biện pháp xử lý nước thải tại công ty TNHH Juwon Việt Nam	Trần Thanh Tính	ThS. Bùi Thị Ngọc Bích	Báo cáo tốt nghiệp thực hiện khảo sát và đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý tại công ty TNHH Juwon Việt Nam ở KCN Rạch Bắp, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quá trình thực hiện đề tài, sinh viên đã sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu, phương pháp khảo sát thực tế, phương pháp thống kê và xử lý số liệu, phương pháp phân tích mẫu. Đánh giá chất lượng nước thải trước và sau xử lý tại công ty TNHH Juwon Việt Nam và một số công ty khác trên địa bàn. Kết quả thực hiện đã thu thập biết được nguồn phát sinh chủ yếu do nước thải sinh hoạt, nước thải trong quá trình sản xuất và tính chất, thành phần nước thải tại công ty
3.	Đại học	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất thải chăn nuôi gia súc trên địa bàn Huyện Bàu Bàng Tỉnh Bình	Trần Duy Tuấn	ThS. Bùi Thị Ngọc Bích	Đề tài có sử dụng các phương pháp: Điều tra khảo sát trên phiếu câu hỏi, khảo sát thực địa, thu thập tài liệu, thống kê và xử lý số liệu. Qua kết quả phân tích số liệu và thực hiện phiếu câu hỏi điều tra 70 hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện có 48 hộ chăn nuôi heo, 22 hộ chăn nuôi bò. Trong đó đàn heo có số hộ chăn nuôi gia đình là 64,6%, trang trại chiếm 36,4%; đàn bò có số hộ chăn nuôi gia đình là 77,3%, trang trại là 22,7%. Chất thải chăn nuôi được xử lý chiếm tỷ lệ khá thấp, chỉ có 32 công trình xử lý chất thải chăn nuôi trên 70

		Dương giai đoạn 2017 – 2025			hộ (chỉ chiếm 45,7%), hiệu suất xử lý của công trình chưa cao, công trình được sử dụng nhiều nhất là hầm biogas chiếm 78,1%.
4.	Đại học	Đánh giá chất lượng nước sau xử lý ở Nhà máy xử lý nước thải Tân Uyên	Nguyễn Đức Tính	ThS. Bùi Thị Ngọc Bích	Đề tài đánh giá hiện trạng môi trường, làm tốt và hiệu quả công tác quản lý của Chi nhánh Nước thải Tân Uyên, bảo vệ nguồn nước trên địa bàn thị xã Tân Uyên. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững. Xây dựng thị xã Tân Uyên thành một thị xã phát triển bền vững, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, làm cho môi trường sống có chất lượng tốt. Đảm bảo một cách chắc chắn sự phát triển của kinh tế không vượt quá sức chịu tải của tự nhiên.
5.	Đại học	Khảo sát, đánh giá hiện trạng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình trên địa bàn phường Long Thành Bắc, thị xã Hòa Thành, thành phố Tây Ninh	Võ Thị Mỹ Duyên	ThS. Bùi Thị Ngọc Bích	Đề tài tiến hành dựa trên phương pháp tổng hợp tài liệu, khảo sát thu thập số liệu thực tế, phân tích số liệu, tổng hợp số liệu nhằm đánh giá hiện trạng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình tại phường và đề xuất các giải pháp thu gom, vận chuyển phù hợp.
6.	Đại học	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS trong xây dựng hệ thống	Ngô Đức Hân	ThS. Bùi Thị Ngọc Bích	Đề tài Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS trong xây dựng hệ thống thoát nước tại phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương đã xây dựng các cơ sở dữ liệu cơ bản nhằm phục vụ công tác quản lý hệ thống thoát nước trên địa bàn. Đạt được kết quả như bản đồ hệ thống thoát nước.

		thoát nước tại phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương			
7.	Đại học	Đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý nước thải tại xí nghiệp Nam Bình Dương và đề xuất các giải pháp xử lý hiệu quả	Nguyễn Hữu Hưng	ThS. Bùi Thị Ngọc Bích	Đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý nước thải tại xí nghiệp Nam Bình Dương và đề xuất các giải pháp xử lý hiệu quả
8.	Đại học	Đánh giá chất lượng nước sau xử lý tại nhà máy xử lý khu công nghiệp Rạch Bắp và đề xuất giải pháp trong quá trình xử lý nước thải	Trương Vũ Gia Thông	ThS. Bùi Thị Ngọc Bích	Đánh giá chất lượng nước sau xử lý tại nhà máy xử lý khu công nghiệp Rạch Bắp và đề xuất giải pháp trong quá trình xử lý nước thải được thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nguồn thải, đảm bảo điều kiện nước thải đầu ra.
9.	Đại học	Ứng dụng Gis đánh giá chất lượng không khí trên địa	Phạm Chí Hào	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Sử dụng công cụ Gis để đánh giá chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh bình dương. Từ đó đưa ra nhận xét và các hướng khắc phục

		bàn tỉnh Bình Dương			
10.	Đại học	Khảo sát hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại phường Phú Cường Thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng phiếu khảo sát để khảo sát các hộ dân về các nội dung như thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Phú Cường. Từ kết quả phiếu khảo sát đề xuất các giải pháp kiến nghị.
11.	Đại học	Xác định khía cạnh môi trường tại công ty cổ phần Hóa Chất TICO và đề xuất biện pháp khắc phục theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015	Đỗ Thúy Khanh	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Ứng dụng tiêu chuẩn Việt Nam ISO 14001:2015 vào mô hình cụ thể là công ty hóa chất TiCo nhằm xác định các khía cạnh môi trường ý nghĩa, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục. Đề tài sử dụng các phương pháp tiêu chí, 4T và lược đồ dòng chảy
12.	Đại học	Ước tính lượng phát thải khí	Phạm Thị Nhân	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Tính toán lượng khí Metan từ nước thải sinh hoạt của sinh viên tại trường đại học Thủ Dầu Một. Lập phiếu khảo sát để đánh giá hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt tại trường

		methane từ nước thải sinh hoạt của sinh viên tại trường Đại Học Thủ Dầu Một			
13.	Đại học	Khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với hiện trạng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại Phường Hiệp Thành	Nguyễn Thị Yên Nhi	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng phiếu khảo sát nhằm khảo sát mức độ hài lòng của người dân phường Hiệp Thành đối với công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Từ kết quả thu được đề xuất giải pháp.
14.	Đại học	Xác định khía cạnh môi trường tại công ty TNHH Một Thành Viên chế biến gỗ Mạnh Cường Phát và đề xuất giải pháp khắc phục theo tiêu	Trương Quý An	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Ứng dụng tiêu chuẩn Việt Nam ISO 14001 vào mô hình cụ thể là công ty chế biến gỗ Mạnh Cường nhằm xác định các khía cạnh môi trường ý nghĩa, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục. Đề tài sử dụng các phương pháp tiêu chí, 4T và lược đồ dòng chảy

		chuẩn ISO 14001:2015			
15.	Đại học	Khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với hiện trạng công tác thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Trần Quốc Diễn	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng phiếu khảo sát nhằm khảo sát mức độ hài lòng của người dân phường Tân Phước Khánh thị xã Tân Uyên đối với công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Từ kết quả thu được đề xuất giải pháp.
16.	Đại học	Xác định khía cạnh môi trường tại cơ sở sản xuất - kinh doanh gỗ nội thất Hào Gia Phát và đề xuất biện pháp khắc phục theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015	Nguyễn Thanh Duy	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Ứng dụng tiêu chuẩn Việt Nam ISO 14001 vào mô hình cụ thể là công ty gỗ nội thất Hào Gia Phát nhằm xác định các khía cạnh môi trường ý nghĩa, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục. Đề tài sử dụng các phương pháp tiêu chí, 4T và lược đồ dòng chảy

17.	Đại học	Khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với hiện trạng thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại phường Tân Hiệp	Nguyễn Thị Duyên	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng phiếu khảo sát nhằm khảo sát mức độ hài lòng của người dân phường Tân Hiệp đối với công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Từ kết quả thu được đề xuất giải pháp.
18.	Đại học	Đánh giá hiện trạng biến động sử dụng đất tại thành phố Thủ Dầu Một	Trần Quang Hải	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng công cụ Gis lập bản đồ hiện trạng biến động sử dụng đất tại thành phố Thủ Dầu Một, từ đó đưa ra các nhận xét về biến động và nguyên nhân biến động.
19.	Đại học	Đánh giá hiệu suất hệ thống xử lý nước thải công ty TNHH Juwon	Võ Thị Hồng Phúc	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng công thức tính toán hiệu suất hệ thống xử lý nước thải công ty TNHH Juwon.
20.	Đại học	Khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với hiện trạng thu gom chất thải rắn sinh hoạt phường 1	Lê Thanh Sang	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng phiếu khảo sát nhằm khảo sát mức độ hài lòng của người dân phường 1 thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đối với công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Từ kết quả thu được đề xuất giải pháp.

		thành phố Tây Ninh			
21.	Đại học	Khảo sát mức độ hài lòng của người dân về hiện trạng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại phường Bình Chuẩn	Phạm Hồng Tú	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng phiếu khảo sát nhằm khảo sát mức độ hài lòng của người dân phường Bình Chuẩn đối với công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Từ kết quả thu được đề xuất giải pháp.
22.	Đại học	Đánh giá hiện trạng biến động sử dụng đất tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Trần Văn Thành	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng công cụ Gis lập bản đồ hiện trạng biến động sử dụng đất tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, từ đó đưa ra các nhận xét về biến động và nguyên nhân biến động.
23.	Đại học	Khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với hiện trạng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại phường Uyên Hưng, thị xã	Đỗ Thị Hồng Thắm	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng phiếu khảo sát nhằm khảo sát mức độ hài lòng của người dân phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, Bình Dương đối với công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Từ kết quả thu được đề xuất giải pháp.

		Tân Uyên, tỉnh Bình Dương			
24.	Đại học	Khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với hiện trạng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại phường Phú Hòa	Trương Thị Ngọc Trâm	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng phiếu khảo sát nhằm khảo sát mức độ hài lòng của người dân phường Phú Hòa thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đối với công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Từ kết quả thu được đề xuất giải pháp.
25.	Đại học	Đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất thị xã Tân Uyên giai đoạn 2010- 2020	Trần Ngọc Kim Chi	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng phiếu khảo sát phỏng vấn chuyên gia về việc hiệu quả triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất thị xã Tân Uyên giai đoạn 2010-2020
26.	Đại học	Tính toán lượng phát thải CO ₂ tại làng nghề gốm Chòm Sao ở thành phố Thuận	Trần Tường Vi	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Dùng công thức tính toán lượng phát thải Co ₂ tại các cơ sở còn hoạt động tại làng nghề gốm Chòm Sao thành phố Thuận An, Bình Dương

		An, tỉnh Bình Dương			
27.	Đại học	Xác định khía cạnh môi trường tại trường THCS Chánh Nghĩa và đề xuất biện pháp khắc phục theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015	Trương Gia Như	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Ứng dụng tiêu chuẩn Việt Nam ISO 14001 vào mô hình cụ thể là trường THCS Chánh Nghĩa nhằm xác định các khía cạnh môi trường ý nghĩa, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục. Đề tài sử dụng các phương pháp tiêu chí, 4T và lược đồ dòng chảy
28.	Đại học	Đánh giá khả năng xây dựng hệ thống môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 tại Cơ Sở Heo Đất Lê Minh Hùng thị xã Tân Uyên - Bình Dương	Nguyễn Thị Lan Anh	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Ứng dụng tiêu chuẩn Việt Nam ISO 14001:2015 vào xây dựng hệ thống quản lý môi trường cơ sở Heo Đất Lê Minh Hùng Đề tài sử dụng các phương pháp tiêu chí, 4T và lược đồ dòng chảy
29.	Đại học	Xác định khía cạnh môi trường tại công ty	Trần Thị Hằng	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Ứng dụng tiêu chuẩn Việt Nam ISO 14001 vào mô hình cụ thể là công ty chế biến gỗ Trần Duy nhằm xác định các khía cạnh môi trường ý nghĩa, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục.

		TNHH một thành viên chế biến gỗ Trần Duy và đề xuất biện pháp khắc phục theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015			Đề tài sử dụng các phương pháp tiêu chí, 4T và lược đồ dòng chảy
30.	Đại học	Khảo sát hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở khu 8,9 trên địa bàn phường Hiệp An và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả	Phạm Ngọc Anh Phương	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Phường Hiệp An nằm ở phía Bắc thành phố Thủ Dầu Một, có 4.775 hộ với dân số khoảng 18.782 người được chia thành 9 khu phố. Phường Hiệp An không có khu công nghiệp đa phần là nhà ở của người dân nên thích hợp làm phường thí điểm về phân loại chất thải rắn tại nguồn. Từ những vấn đề đã được nêu trên, đề tài “Khảo sát hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở khu 8,9 trên địa bàn phường Hiệp An và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả” là hết sức cần thiết. Điều đó sẽ góp phần làm giảm chi phí trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, giảm diện tích bãi chôn lấp, giảm ô nhiễm môi trường và tiết kiệm ngân sách nhà nước của thành phố. Tìm hiểu công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) tại nguồn ở khu 8,9 trên địa bàn phường Hiệp An. Khảo sát khách quan về mặt thuận lợi cũng như khó khăn trong công tác quản lý CTRSH tại nguồn tại khu vực nghiên cứu. Từ đó đề xuất biện pháp phù hợp đối với vấn đề nghiên cứu. Nghiên cứu chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở khu 8 và 9 trên địa bàn phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Đề tài được thực hiện từ tháng 9/2020 đến tháng 11/2020. Đề tài được thực hiện nghiên cứu ở khu 8 và 9 trên địa bàn phường Hiệp An. Trong giai đoạn thí điểm, việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt được chia thành 2 nhóm sau: Chất thải thực phẩm và rác làm vườn (chất thải hữu cơ) là chất thải dễ phân hủy trong môi trường như: thức ăn thừa; rau, củ, quả; xác động thực vật; vỏ trứng, vỏ sò, bã trà, bã cà phê, xương cá, thịt; cành cây, lá cây,... Chất thải còn lại bao gồm tất cả các thành phần chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt của con người như: vỏ lon; chai nhựa; giấy carton; thủy tinh; cao su; gỗ vụn; quần áo cũ; vải vụn; giày dép cũ; tóc; tã; gôm

					sứ bễ; tàn thuốc; gạch cát đá,... Tỷ lệ thu gom chất thải rắn hiện nay đã tăng lên đáng kể, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu và mong muốn thực tế. Phần lớn chất thải rắn được phân loại tại nguồn nhưng vẫn chưa đảm bảo 100%, thu gom theo xe nhưng khi đem tới bãi tập kết để đưa lên xe ép rác thì lại lẫn lộn chất thải hữu cơ và chất thải còn lại với nhau để vận chuyển để xí nghiệp xử lý rác. Công tác tái chế, xử lý chất thải rắn vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Chính vì thế cần phải hoàn thiện hơn nữa, từ công tác quản lý đến ý thức tự giác của người dân để có một môi trường sống trong lành sạch đẹp hơn.
31.	Đại học	Khảo sát hiện trạng thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Vĩnh Phú và đề xuất giải pháp giảm thiểu	La Hải Yến	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Bài báo cáo này thực hiện khảo sát người dân ở 5 khu phố trên địa bàn phường Vĩnh Phú về tình hình thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường. Kết quả của bài báo cáo cho thấy: khối lượng rác thải trung bình 1 ngày trên địa bàn khoảng 10,94 tấn/ngày. Từ các nguồn phát sinh chủ yếu như các hộ gia đình, khu chợ, khu buôn bán, thương mại, dịch vụ, quán ăn... Thành phần của CTRSH ở phường Vĩnh Phú đa số là các chất hữu cơ dễ phân hủy (70,27%), túi nilon (11,04%), giấy/giấy cacton (8,67%)... Bên cạnh đó, các quá trình thu gom, vận chuyển không còn quá nhiều vấn đề cần phải giải quyết, nhìn chung các quá trình này đã đảm bảo được yêu cầu của người dân, cơ quan quản lý và đảm bảo vệ sinh môi trường. Ngoài ra, còn một số vấn đề nhỏ cần khắc phục, bài báo cáo đã đề xuất một số giải pháp thích hợp cho các cơ quan quản lý, ý thức người dân để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm chất thải rắn hiện nay và góp phần làm cho cảnh quan, môi trường ở địa bàn phường Vĩnh Phú nói riêng và ở Bình Dương nói chung ngày càng phát triển xanh sạch đẹp hơn nữa.
32.	Đại học	Kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ sở giết mổ gia súc quy mô 150 con heo/ngày-	Phạm Thị Ngọc Bích	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Ô nhiễm môi trường đất, nước do các chất thải thải giết mổ đã làm ảnh hưởng đáng kể đến hệ sinh thái và sức khỏe của con người. Từ nhiều cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi mang theo nhiều chất hữu cơ gây ô nhiễm như: Tiết, mảnh thịt vụn, phân, tổ chức liên kết và nhiều dịch chất khác của động vật xuất thải từ quá trình giết mổ và chế biến v.v... Trong điều kiện kinh phí hạn chế, chưa đủ điều kiện xây dựng hệ thống xử lý hiện đại, nghiên cứu ứng dụng các giải

		đêm tại khu phố 6, phường Uyên Hưng , thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương			pháp sinh học xử lý, góp phần bảo vệ môi trường. Cùng với đó vấn đề ô nhiễm môi trường do ngành giết mổ gây ra đang là vấn đề quan tâm của nhà quản lý môi trường và nhân dân địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Kế hoạch bảo vệ môi trường tại cơ sở giết mổ gia súc quy mô 150/con gia súc - phường Uyên Hưng - thị xã Tân Uyên - Bình Dương. Đánh giá hiệu quả việc xử lý xả thải, nước thải của một số giải pháp trong các cơ sở giết mổ. Trên cơ sở đó xây dựng hệ thống xử lý cho cơ sở giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi bằng phương pháp các phương pháp góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
33.	Đại học	Khảo sát hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở khu công nghiệp Rạch Bắp trên địa bàn xã An Điền, thị xã Bến Cát và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả	Nguyễn Thanh Bình	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Không làm báo cáo tốt nghiệp
34.	Đại học	khảo sát hiện trạng môi trường và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý nước thải tại cty TNHH sản xuất thương	Nguyễn Thị Thạch Thảo	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Mức tiêu thụ cao su thiên nhiên ở các nước công nghiệp đang phát triển ngày càng cao, dự báo mức tiêu thụ này sẽ không ngừng tăng lên, để hạn chế sự mất cân bằng giữa cung và cầu, hay có thể nói là phát triển bền vững cho nền kinh tế và môi trường cần có một kế hoạch lâu dài phát triển cao su. Bài báo cáo này được thực hiện vào tháng 9 năm 2020 nhằm khảo sát hiện trạng quản lý môi trường của công ty TNHH SX-TM Minh Viễn, chỉ ra các tác động tiêu cực đối với môi trường. Qua đó có thể đưa ra các đề xuất giải pháp khả thi, nâng cao hiệu quả xử lý chất thải đặc biệt là nước thải. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm: thu thập và kế thừa số liệu, khảo sát công ty, phỏng vấn chủ chốt, so

		mại Minh Viễn, Tây Ninh			sánh với các tiêu chuẩn môi trường, điều tra xã hội học, ý kiến chuyên gia. Sau khi khảo sát, nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý chất thải của công ty, biện pháp xử lý chất thải hiện công ty đang sử dụng. Ngoài các kết quả đạt chuẩn, còn một số vấn đề cần khắc phục. Từ các kết quả nghiên cứu, cùng với sự tham khảo ý kiến của chuyên gia chuyên ngành, sự hợp tác hiệu quả của công ty, giúp cho việc khảo sát diễn ra thuận lợi. Đem lại lợi ích cho người khảo sát, đồng thời đem lại các đề xuất tốt nhất cho phía công ty trong tương lai.
35.	Đại học	Khảo sát hiện trạng phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở khu 6,7 trên địa bàn phường Hiệp An và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả	Lý Thu Hương	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Với mục tiêu xây dựng nếp sống văn hóa và văn minh đô thị, cải thiện chất lượng môi trường sống, đề tài: “Khảo sát hiện trạng phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của khu 6,7 trên địa bàn phường Hiệp An và đề xuất giải pháp” được thực hiện. Qua đây đề tài sẽ mang đến cái nhìn tổng quan về việc phân loại chất thải rắn và đề xuất các giải pháp phù hợp góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, góp phần làm giảm chi phí trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, giảm diện tích bãi chôn lấp, giảm ô nhiễm môi trường và tiết kiệm ngân sách nhà nước của thành phố. Thể hiện nếp sống văn minh đô thị, xây dựng 01 đô thị xanh - sạch – đẹp. Tìm hiểu công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại khu phố 6 và khu phố 7 phường Hiệp An. Đề xuất giải pháp phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở khu phố 7 và khu phố 6 phường Hiệp An hiệu quả. Chất thải rắn sinh hoạt tại khu phố 6 và khu phố 7 phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Đề tài được thực hiện từ 08/2020 - 12/2020. Đề tài được tiến hành nghiên cứu tại khu phố 6 và khu phố 7 phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương. Qua quá trình khảo sát cho thấy trong quá trình thực hiện chương trình phân loại CTRSH vẫn còn gặp các vấn đề cần được giải quyết. Các vấn đề từ người dân và từ đơn vị thu gom trên các tuyến đường. Khu phố 6 là khu phố có nhiều dãy nhà trọ và đa số là các tuyến hẻm, tuyến đường nhỏ, đường xấu, khá dốc có nhiều ổ gà nên vào những ngày trời mưa thường hay ngập lụt ảnh hưởng đến thời gian thu gom CTRSH trên địa bàn khu phố. Khu phố 7 một nửa là nằm tại tuyến chính đường Bùi Thị Thu, nửa còn lại thuộc các hẻm trong khu phố 7 và giáp với khu phố 6. Trên tuyến đường chính Bùi Thị Thu có chợ và trường THCS Tương Bình Hiệp nên vào các ngày mưa gây ngập đường thì thời gian thu gom bị chậm trễ gây ảnh hưởng đến người dân, mất mỹ quan và

					gây ùn tắc giao thông. Tại các tuyến hẻm vào một số ngày thời gian thu gom sẽ bị trùng với thời gian thu gom của khu phố 7 nên việc thu gom bị chậm trễ thời gian. Từ những ý kiến trên cho thấy việc phân loại CTRSH trên 02 khu phố còn gặp các hạn chế từ tuyến thời gian thu gom do chưa có tuyến thu gom cụ thể.
36.	Đại học	Tìm hiểu quy trình công nghệ lò đốt rác thải nguy hại tại Công Ty môi trường Việt Xanh và đề xuất giải pháp xử lý hiệu quả	Nguyễn Hoàng Minh	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng trong công tác quản lý chất thải nguy hại tại Công ty Môi Trường Việt Xanh, cũng như các đơn vị tham gia thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại. Đề tài đã thu thập số liệu thứ cấp từ công ty và các thông tin trong các nghiên cứu hay các bài báo trên Internet để cho thấy thực trạng công tác quản lý ở công ty Môi Trường Việt Xanh và ở các KCN Nam Tân Uyên hiện nay còn rất nhiều vấn đề điển hình là hiện tượng các doanh nghiệp không chấp hành đúng quy định của nhà nước về quản lý chất thải nguy hại, bên cạnh đó có những doanh nghiệp còn đổ cả chất thải nguy hại chung với rác sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường. Từ thực trạng đó đề tài đã đề xuất các giải pháp cụ thể phương pháp xử lý từng loại chất thải nguy hại. Hỗ trợ doanh nghiệp để quản lý chất thải nguy hại tốt hơn.
37.	Đại học	Xác định khía cạnh môi trường tại công ty môi trường Việt Xanh theo chuẩn iso 14001:2015	Vũ Sơn Nam	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Xác định khía cạnh môi trường tại công ty Môi trường Việt Xanh theo tiêu chuẩn ISO14001:2015. Nhận diện tất cả các mối nguy, khía cạnh môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, rủi ro và cơ hội, hành động giải quyết rủi ro và cơ hội xuất phát từ bối cảnh của tổ chức, các nhu cầu mong đợi các bên quan tâm, phạm vi của hệ thống, các quá trình, nhằm làm giảm thiểu đến mức có thể, tạo điều kiện phát triển bền vững cho Công ty. Áp dụng phương pháp lượt đồ dòng chảy xác định được đầu vào, đầu ra của các bộ phận Hành chính nhân sự và bộ phận sản xuất và từ đó có thể xác định các khía cạnh môi trường. Việc phân tích các khía cạnh môi trường dựa vào các hoạt động, nguyên nhân, đối tượng ảnh hưởng, đầu vào và đầu ra của khía cạnh môi trường, mối nguy xảy ra.
38.	Đại học	Đánh giá công tác quản lý nước thải sau khi xử lý tại xí	Bùi Cẩm Thúy Nhi	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Qua bài báo cáo trên có thể thấy được kết quả của quá trình đánh giá công tác quản lý nước thải sau khi xử lý tại xí nghiệp xử lý nước thải Thủ Dầu Một vô cùng chặt chẽ, chất lượng trong từng khâu xử lý nước thải, điển hình là kết quả nước thải đầu ra vào tháng 8 năm 2020 so với QCVN 40:2011/ BTNMT đạt 100%

		nghiệp xử lý nước thải TDM và đề xuất các giải pháp xử lý hiệu quả			về chất lượng. Bên cạnh đó, việc tìm hiểu các chỉ tiêu trong phân tích chất lượng nước đầu đầu ra cũng là một tiêu chí quan trọng. Em đã được trực tiếp quan sát các công việc lấy mẫu, xử lý mẫu, phân tích một số chỉ tiêu như: pH, COD, BOD, tổng photpho, tổng nitơ,... Ngoài ra chúng ta có thể áp dụng một số các giải pháp đã được đề xuất như nâng cao năng lực công tác tuyên truyền thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh của mình; đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải hợp vệ sinh với mục tiêu bảo vệ bảo vệ chính mình và bảo vệ cộng đồng, sử dụng nước tiết kiệm, vừa tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên có hạn, vừa hạn chế lượng nước thải ra môi trường, thường xuyên kiểm tra, giám sát, có hướng dẫn cụ thể sử dụng nước sạch và thoát nước thải sinh hoạt để hạn chế lượng nước thải ra môi trường,... nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước thải và hạn chế nước thải ra môi trường ngày một nhiều, sử dụng tiết kiệm nguồn nước sạch.
39.	Đại học	Đánh giá công tác quản lý nước thải sau khi xử lý tại xí nghiệp xử lý nước thải TDM và đề xuất các giải pháp xử lý hiệu quả	Lê Thị Tuyết Nhi	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Cùng với sự phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa, là nguồn ô nhiễm được phát sinh từ các cơ sở sản xuất và người lao động phải làm việc trong môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng với các yếu tố nguy cơ phát sinh trong quá trình sản xuất, điều kiện nơi làm việc ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và khả năng lao động. Các yếu tố thường gây bệnh nghề nghiệp như tiếng ồn, bụi, hơi khí độc, hóa chất chưa được giám sát chặt chẽ, mức độ cải thiện điều kiện làm việc còn hạn chế, ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe người lao động và hậu quả của sự tiếp xúc lâu dài làm phát sinh bệnh nghề nghiệp. Đề tài Đánh giá môi trường lao động và nghiên cứu hiện trạng quản lý sức khỏe của người lao động thông qua kết quả khám sức khỏe của người lao động, phát hiện bệnh nghề nghiệp và kết quả đo đặc quan trắc môi trường lao động, người lao động tại công ty TNHH Lmat Vina từ năm 2019 đến năm 2020, từ đó đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường lao động tại công ty TNHH Lmat Vina. Kết quả cho thấy mức độ ô nhiễm môi trường lao động của công ty nằm ở mức ô nhiễm tương đối. Vì vậy, để rà soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường lao động, đề tài cũng đã đưa ra những biện pháp đề xuất tới công ty TNHH Lmat Vina. Biện pháp kỹ thuật để giảm ô nhiễm tiếng ồn, nhiệt độ, hơi hóa chất và bụi. Biện pháp quản

					lý bằng những văn bản pháp quy liên quan đến an toàn vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp. Các biện pháp bảo hộ lao động nhằm hỗ trợ cho biện pháp kỹ thuật bảo vệ người lao động trong môi trường có nhiều yếu tố nguy cơ độc hại. Cuối cùng đề tài có những kiến nghị đối với công ty và người lao động công ty TNHH Lmat Vina trong việc kiểm tra, quản lý, giám sát công tác quản lý môi trường lao động của công ty.
40.	Đại học	Đánh giá công tác quản lý bùn thải sau khi xử lý tại xí nghiệp Thủ Dầu Một và đề xuất các giải pháp xử lý hiệu quả	Bùi Văn Tú	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Cùng với sự phát triển nhanh chóng của quá trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương, các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đã, đang và sẽ được xây dựng ngày càng nhiều, góp phần cải thiện chất lượng môi trường nước. Song quá trình xử lý nước thải sinh hoạt còn phát sinh bùn thải với các thành phần nguy hại như kim loại nặng và vi sinh vật gây hại như một phần không thể tránh khỏi. Trong khi đó, công tác quản lý bùn xử lý nước thải sinh hoạt là một vấn đề khá mới, chưa có cơ sở pháp lý cho công tác quản lý và cũng ít được quan tâm đúng mức và về quy định thải bỏ và hướng tận dụng loại chất thải này. Chính vì vậy đề tài "Đánh giá công tác quản lý bùn thải tại nhà máy xử lý nước thải Thủ Dầu Một" được thực hiện với hai nội dung chính là đánh giá hiện trạng quản lý bùn thải tại nhà máy và đề xuất các giải pháp quản lý bùn thải cho nhà máy. Để đạt được các nội dung nghiên cứu trên, đề tài đã tiến hành khảo sát và điều tra về tình hình phát sinh và quản lý bùn thải tại nhà máy đồng thời tiến hành lấy mẫu và phân tích thành phần bùn thải tại nhà máy. Theo đó, tổng lượng bùn phát sinh hiện nay khá lớn và tăng dần qua các năm, năm 2017: 2319,72 tấn, năm 2018: 3083,18 tấn, năm 2019: 2324,44 tấn. Hiện tại lượng bùn thải của nhà máy xử lý nước thải Thủ Dầu Một đang được thu gom và chuyển về Xí nghiệp Xử lý chất thải Nam Bình Dương. Kết quả phân tích cho thấy hàm lượng các kim loại có trong mẫu bùn được phân tích (như asen, chì, cadimi, đồng, kẽm) đều thấp. Bùn có hàm lượng kim loại thấp vì vậy các vi sinh vật có lợi trong quá trình xử lý nước không bị ảnh hưởng. Khi sử dụng bùn để làm sản phẩm thứ cấp cũng không lo ngại việc tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và gây bệnh cho con người (ung thư, gây hại cho gan, tim mạch, ảnh hưởng đến trí tuệ và tinh thần, ngăn cản quá trình trao đổi chất...). Với hiện trạng quản lý và kết quả nghiên cứu của đề tài, hai giải pháp quản lý bùn được đưa ra đó là: trong công quản lý cần chú ý tăng cường

					công tác kiểm tra, sửa chữa tại các công trình của nhà máy và trong biện pháp kỹ thuật thì ứng dụng tái sử dụng trong bùn thải trong nông, lâm nghiệp như ủ phân compost. Ngoài ra, việc xây dựng các khung và hành lang pháp lý cũng như các sổ tay hướng dẫn cho công tác quản lý bùn thải sinh hoạt được xem là giải pháp quan trọng hàng đầu và mang tính lâu dài nhằm định hướng cho công tác quản lý chất thải này một cách hợp lý và bền vững.
41.	Đại học	Khảo sát hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu phố 5, khu phố 6 trên địa bàn phường Phú Mỹ và đề xuất giải pháp giảm thiểu	Nguyễn Võ Hường Dương	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Trên cơ sở điều tra tình hình chất thải rắn sinh hoạt, hiện trạng công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu phố 4, khu phố 5, phường Phú Thọ. Bài tiểu luận đã sử dụng phương pháp thu thập tài liệu từ chất thải rắn sinh hoạt của phường từ Ủy ban nhân phường Phú Thọ, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Dầu Một đề xuất được giải pháp phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn nhằm giảm thiểu lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu phố. Việc tìm hiểu tình hình thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có ý nghĩa quan trọng cho công tác quản lý môi trường của phường. Luận văn đã tìm hiểu tình hình thu gom, vận chuyển và đánh giá những mặt tích cực và những khó khăn mà khu phố gặp phải. Từ đó đề tài đưa ra các giải pháp trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu phố 4, khu phố 5, phường Phú Thọ, việc phân loại rác tại nguồn là vấn đề cần thiết và cấp bách, cần kết hợp giữa phân loại và tái chế là sử dụng chất thải rắn.
42.	Đại học	Quan trắc chất lượng nước cấp sinh hoạt tại Nhà máy nước Thủ Dầu Một và đề xuất giải pháp xử lý hiệu quả	Nguyễn Đăng Ngọc Giàu	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Đề tài trình bày kết quả nghiên cứu đánh giá hiện trạng sử dụng nước và chất lượng nước cấp sinh hoạt thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Liên quan đến tình hình sử dụng nước sạch của người dân toàn tỉnh, tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh khá thấp. Nghiên cứu tiến hành lấy mẫu, đánh giá chất lượng nước cấp đồng loạt tại các trạm cấp nước sạch trên địa bàn phường Chánh Mỹ. Kết quả phân tích thông số hóa lý chất lượng nước tại Nhà máy Nước Thủ Dầu Một ở phường Chánh Mỹ thể hiện các thông số nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn nước sử dụng cho sinh hoạt QCVN 02:2009/BYT và nước cấp sử dụng cho ăn uống QCVN 01:2009/BYT. Tuy nhiên, trong quá trình xử lý nước đầu vào vào mùa mưa gây tiêu tốn thời gian và tiêu tốn chi phí cho việc sử dụng nhiều hóa chất trong quá trình xử lý vì vào mùa mưa, nước sẽ có độ đục cao, độ màu

					cao, TDS thấp, pH thấp, Clorua thấp, SS cao, hàm lượng Fe, Mn thay đổi hơn so với mùa khô. Từ đó cho thấy có thể sử dụng kết quả nghiên cứu nhằm đánh giá và diễn giải tình trạng chất lượng nước cấp sinh hoạt trên địa bàn phường Chánh Mỹ, tỉnh Bình Dương. Từ khóa: Chất lượng nước, Trảng Bàng, sinh hoạt, nước uống, cấp nước.
43.	Đại học	Khảo sát hiện trạng phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở khu 2,3 trên địa bàn phường Hiệp An và đề xuất giải pháp xử lý hiệu quả.	Trần Huỳnh Hoàng Hương	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Để khảo sát hiện trạng phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại khu phố 2 và khu phố 3 phường Hiệp An trước tiên tác giả đã khảo sát thực địa để điều tra về tình hình công tác phân loại thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở khu phố 2 và khu phố 3 phường Hiệp An. Tiếp theo thu thập số liệu có sẵn từ UBND phường Hiệp An và phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp và thu thập các tài liệu báo cáo về chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn để tìm hiểu về nguồn phát sinh, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, tìm hiểu về hệ thống quản lý hành chính nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Tìm hiểu về chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại khu phố 2 và khu phố 3. Từ đó đánh giá chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở mức thuận lợi và khó khăn. Tiếp theo tác giả sử dụng phương pháp CED Xác định nguyên nhân gây ra một số hạn chế trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, theo phương pháp này thì có 6 nguyên nhân: hệ thống thu gom hệ thống chưa hoàn thiện, chưa biết cách phân loại rác tại nguồn, ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn thấp, Công nghệ xử lý còn lạc hậu, chưa thống nhất chính sách trong quản lý, thiếu nguồn lực. Từ đó, đưa ra những đề xuất giải pháp xử lý hiệu quả trong việc khảo sát hiện trạng phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phường Hiệp An được tốt hơn.
44.	Đại học	Đánh giá thực trạng công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động tại công ty TNHH-SX-	Nguyễn Phan Hoàng Kim	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Lao động là quá trình tạo ra của cải vật chất cho xã hội, con người luôn phải tiếp xúc với máy móc, trang thiết bị, công cụ và môi trường. Đây là một quá trình hoạt động phong phú, đa dạng và rất phức tạp, vì vậy luôn phát sinh những mối nguy hiểm và rủi ro, làm cho người lao động có thể bị tai nạn và có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp. Sự phát triển của các ngành công nghiệp kèm theo sự phát sinh các vấn đề về môi trường như ô nhiễm nước thải, ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất.... do các doanh nghiệp chưa chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường,

		TM-DV Môi trường Việt xanh			chưa đầu tư các trang thiết bị xử lý hoặc các thiết bị đã cũ kỹ. Tuy nhiên, có nhiều doanh nghiệp sử dụng nhiều công nghệ mới, với máy móc vật tư rất đa dạng về chủng loại, nên các nhân tố có thể gây ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động ngày càng gia tăng. Cho nên, việc thực hiện những biện pháp nhằm ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo vệ và giữ gìn sức khỏe cho người lao động trong các doanh nghiệp là một yêu cầu rất cấp thiết. Công ty TNHH-SX-TM-DV môi trường Việt Xanh được biết đến là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xử lý về môi trường. Với đầy đủ phương tiện, thiết bị chuyên dụng cùng các loại máy móc công nghệ cao. Công ty không chỉ phục vụ nhanh chóng, an toàn, hiệu quả cho các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải của nhiều đơn vị sản xuất tại các KCN mà còn chịu trách nhiệm trước các vấn đề phát sinh trong quá trình vận chuyển chất thải. Tuy là ngành xử lý chất thải thông thường nhưng các vấn đề như bệnh nghề nghiệp, an toàn lao động... vẫn đang là vấn đề nan giải của doanh nghiệp mặc dù công ty luôn tuân thủ các quy định về an toàn lao động. Chính vì vậy, đề tài “Đánh giá thực trạng công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động tại công ty TNHH - SX - TM - DV Môi trường Việt Xanh” được thực hiện nhằm đánh giá hoạt động an toàn vệ sinh lao động và đề xuất các biện pháp cải thiện.
45.	Đại học	Khảo sát hiện trạng phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn ở khu 4,5 trên địa bàn phường Hiệp An và giải pháp quản lý hiệu quả	Phạm Thị Linh	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Hiện nay, tất cả các loại CTRSH phát sinh từ hoạt động của người dân trên địa bàn phường Hiệp An được bỏ chung với tổng khối lượng phát sinh khoảng 20 tấn/ngày và được thu gom bởi hệ thống thu gom CTRSH của Đội rác Dân lập phường Hiệp An và Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương. Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương thu gom, vận chuyển trên tuyến đường chính với tần suất 1 lần/ngày từ 17 giờ đến 24 giờ và tại Điểm tập kết của phường Hiệp An với tần suất 2 lần/ngày lúc 13 giờ và 18 giờ hàng ngày. Đội thu gom rác Dân lập của phường thu gom, vận chuyển đến Điểm tập kết từ 4 giờ đến 23 giờ hàng ngày, sau đó được Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương tiếp tục thu gom, vận chuyển tại điểm giao nhận. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương thu gom, vận chuyển đến Xí nghiệp xử lý Chánh Phú Hòa.

46.	Đại học	Đánh giá công tác quản lý bùn thải sau khi xử lý tại xí nghiệp xử lý nước thải Thủ Dầu Một và đề xuất các giải pháp xử lý hiệu quả	Kim Thị Ngọc Thanh	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Không nộp báo cáo tốt nghiệp
47.	Đại học	Khảo sát hiện trạng thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Bình Nhâm và đề xuất giải pháp giảm thiểu	Phan Nguyễn Xuân Thanh	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Môi trường đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của con người nhưng với sự phát triển liên tục của khoa học, công nghệ, quá trình công nghiệp hóa và tăng dân số đã gây nên những biến đổi không nhỏ tới môi trường. Vì vậy, đề tài “ Khảo sát hiện trạng thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Bình Nhâm và đề xuất biện pháp giảm thiểu” đã góp phần phục vụ cho công tác quản lý và xử lý CTRSH được hiệu quả hơn. Đề tài đã sử dụng phương pháp thu thập tài liệu từ các báo cáo chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Bình Nhâm từ Ủy ban nhân dân phường Bình Nhâm, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thuận An và các dữ liệu có sẵn từ các trang web, internet, kết hợp với khảo sát thực địa để tìm hiểu và thống kê tình hình thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Bên cạnh đó, đề tài còn sử dụng phương pháp xác định nguyên nhân (CED) ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường, gồm các nguyên nhân: thiếu nguồn nhân lực quản lý, nhân viên thu gom; trang thiết bị, dụng cụ và phương tiện thu gom, vận chuyển không phù hợp; thiếu các văn bản pháp lý quy định và các văn bản xử phạt vi phạm; thiếu nguồn đầu tư vào trang thiết bị, dụng cụ. Ngoài ra, đề tài sử dụng phương pháp mô hình SWOT để đánh giá hiệu quả quản lý CTRSH nhằm đưa ra: điểm mạnh về phương tiện vận chuyển CTRSH đang từng bước được hiện đại hóa; điểm yếu cho việc thu gom, vận chuyển vẫn còn rơi vãi trên đường, phát sinh mùi hôi; cơ hội được mở rộng mô hình tốt công tác bảo vệ môi trường ngày càng lan rộng, nâng cao ý

					thức người dân; thách thức lớn nhiều hộ không ký hợp đồng thu gom CTRSH, thải bỏ rác ở nơi công cộng và trên vỉa hè gây mất mỹ quan đô thị, chưa có quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm. Trước những vấn đề trên, đề tài đã đề xuất một số biện pháp giảm thiểu CTRSH về pháp lý, kinh tế, giáo dục – truyền thông nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, cải thiện công tác quản lý CTRSH trên địa bàn phường Bình Nhâm nhằm đạt hiệu quả hơn.
48.	Đại học	Khảo sát hiện trạng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu phố 3, khu phố 4 trên địa bàn phường Phú Mỹ và đề xuất biện pháp giảm thiểu	Phạm Thị Phương Thảo	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Đề tài tiến hành nghiên cứu việc khảo sát người dân và công nhân tại khu vực khu phố 2, khu phố 3 phường Phú Thọ nhằm xác định được tình hình hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý và khối lượng, thành phần của CTRSH. Kết quả cho thấy: khối lượng rác thải sinh hoạt bình quân một ngày tại địa bàn là 3,9 tấn/ngày. Nguồn phát sinh chủ yếu như sau: từ hoạt động sinh hoạt của người dân, các hộ kinh doanh - dịch vụ, các cơ quan, các dịch vụ công cộng,...Thành phần rác thải đa dạng được phân thành 3 loại, trong đó: chất thải hữu cơ dễ phân hủy (71,67%), chất thải tái chế tái sử dụng (27,61%), chất thải nguy hại (0,72%). Công tác thu gom, vận chuyển CTRSH hiện nay chung đã đáp ứng được nhu cầu thực tế, người dân tại địa bàn tự nguyện đổi hải lòng, việc xử lý CTRSH sẽ được vận chuyển đến chi nhánh Xử lý Chất thải - Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương để xử lý. Ngoài ra, còn một số vấn đề cần khắc phục và giải quyết. Đề tài đã đề xuất một số biện pháp giảm thiểu như giải pháp về chính sách, giải pháp về quản lý, giải pháp về phân loại rác thải tại nguồn, giải pháp về truyền thông giáo dục góp phần nâng cao công tác hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH tại khu vực khu phố 2, 3 phường Phú Thọ.
49.	Đại học	khảo sát hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý nước thải chăn nuôi heo trên địa bàn	Lê Thị Hồng Thắm	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Bài báo cáo này thực hiện khảo sát các hộ chăn nuôi heo tại địa bàn phường Tân Hiệp và chất lượng sống của các hộ gần khu vực chăn nuôi heo về tình hình quy mô chăn nuôi, số lượng chăn nuôi, hình thức xử lý, mỹ quan đô thị, mùi, tiếng ồn phát sinh từ quá trình chăn nuôi heo và xử lý chất thải trên địa bàn phường. Kết quả của bài báo cáo cho thấy đa phần các hộ chăn nuôi có hệ thống xử lý nước thải nhưng còn cồng kềnh, một số thì bị hư hỏng nên dẫn đến tình trạng nước thải được xử lý chưa đạt được tiêu chuẩn so với quy định QCVN 62-MT: 2016/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, nguồn tiếp nhận sau xử lý đa

		phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, Bình Dương			phần là hồ cá và hồ thực vật không thải ra kênh rạch sông suối ao hồ. Lưu lượng nước thải đa phần là phân của heo, số lượng chăn nuôi heo vừa phải phù hợp với chăn nuôi nhỏ lẻ. Tình hình chăn nuôi heo gần khu vực có người dân sinh sống một phần còn ảnh hưởng đến đời sống của người dân về mùi, tiếng ồn phát sinh từ quá trình chăn nuôi khiến một số người dân khó chịu và ảnh hưởng tới môi trường. Một số vấn đề nêu trên đa phần đều ảnh hưởng tới con người và môi trường nên bài báo cáo đã đề xuất một số biện pháp phù hợp nhằm giảm.
50.	Đại học	Khảo sát hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Phú Lợi Tp. Thủ Dầu Một và đề xuất giải pháp giảm thiểu	Trần Thị Thu Trang	ThS. Nguyễn Thanh Quang	Thành phố Thủ Dầu Một có cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện. Toàn bộ lượng chất thải rắn được thu gom và vận chuyển về bãi rác Chánh Phú Hòa, tuy nhiên về lâu dài bãi chôn lấp này sẽ quá tải cần phát triển thêm nhiều bãi chôn lấp khác với tỷ lệ diện tích chiếm dụng đất rất cao và cần nhiều giải pháp bảo vệ môi trường kèm theo. Qua khảo sát thực tế cho thấy rằng trong thành phần CTRSH, CTR thực phẩm chiếm tỷ lệ lớn nhất từ 70 - 80%. Đây là nguyên nhân góp phần vào việc làm tăng chi phí xử lý chất thải rắn, trong khi đó những thành phần này lại là nguồn nguyên liệu dồi dào cho các nhà máy sản xuất phân compost. Ngoài ra, còn có các thành phần có khả năng tái chế như: giấy, nilon, nhựa... Nếu được thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và tái chế không chỉ giúp giảm chi phí quản lý và xử lý chất thải rắn mà còn tiết kiệm nhiều tài nguyên và giảm tác động tiêu cực đến môi trường. Chính vì những lý do đó, đề tài: “Khảo sát hiện trạng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Phú Lợi TP. Thủ Dầu Một và đề xuất giải pháp giảm thiểu” được thực hiện.
51.	Đại học	Tính toán tiềm năng khí Mê-tan (CH ₄) từ Bãi chôn lấp tại Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương -	Bùi Minh Lộc	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Nghiên cứu này tập trung vào phương pháp tính toán lượng khí methane từ bãi chôn lấp tại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương – Chi nhánh Xử lý chất thải, bằng IPCC 1995 đề xuất. Tải lượng CH ₄ phát sinh đến năm 2030 được ước tính từ số liệu phát sinh CTRSH từ năm 2020. Ước tính tải lượng khí CH ₄ đến năm 2020 được thực hiện. Kết quả cho thấy lượng khí CH ₄ phát sinh từ CTRSH từ bãi chôn lấp tại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương – Chi nhánh Xử lý chất thải năm 2020 là 19.162.988,83 m ³ /năm. Dự báo đến năm 2030, tổng lượng phát thải của khí methane sẽ là 31.198.603,35 m ³ /năm. Lượng phát thải này gia tăng theo tỷ lệ gia tăng dân số và sự gia tăng thu nhập

		Chi nhánh xử lý chất thải			bình quân đầu người của cư dân thành phố. Những lợi ích của việc tái sử dụng CTR rất đáng quan tâm, bao gồm việc giảm phát thải khí nhà kính và khả năng sử dụng lượng khí thu hồi cho việc phát điện.
52.	Đại học	Khảo sát hiện trạng công tác thu gom CTRSH của Công ty TNHH MTV Công Trình Đô Thị Bình Dương	Trần Thị Mỹ Linh	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	
53.	Đại học	Đánh giá phát thải khí CO2 từ hoạt động giao thông trên địa bàn phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương và đề xuất giải pháp	Nguyễn Bá Lược	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Trong bài nghiên cứu này, vấn đề phát thải khí nhà kính chưa được đề cập một cách thấu đáo. Báo cáo thử nghiệm tính toán lượng phát thải khí CO2 và CO từ hoạt động giao thông đường bộ trên các tuyến đường chính thuộc địa bàn phường Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Kết quả mà báo cáo đạt được là đã tính toán được lượng phát thải và nồng độ khí CO2 và CO do hoạt động giao thông đường bộ trên các tuyến đường giao thông chính thuộc địa bàn phường Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương từ đó đưa ra các giải pháp giảm thiểu lượng phát thải. Nồng độ CO trên các tuyến đường giao thông chính thuộc địa bàn phường Phú Hòa và so sánh QCVN 05:2013 từ đó kết luận được nồng độ CO2 trên các tuyến đường có vượt tiêu chuẩn cho phép.
54.	Đại học	Ứng dụng gis thành lập bản đồ quản lý công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt	Võ Phương Nam	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Đề tài được tiến hành thông qua việc tìm hiểu tình hình kinh tế - xã hội, tiến hành khảo sát thực địa để đánh giá hiện trạng công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) trên địa bàn phường Hiệp Thành, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, đề tài còn ứng dụng Công nghệ “Hệ thống thông tin địa lý – GIS” thành lập bản đồ quản lý công tác thu nhằm mục đích để các nhà lãnh đạo phường thấy được những thuận lợi và khó khăn trong công tác thu gom từ đó có thể đưa ra giải pháp cải

		tại phường Hiệp Thành			thiện tốt hơn trong công tác thu gom. Quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu thông qua việc khảo sát thực địa và thu thập số liệu thì đề tài đã thành lập được 11 bản đồ hiện trạng công tác thu gom, bao gồm 1 bản đồ hiện trạng thu gom CTRSH tuyến đường chính, 1 bản đồ hiện trạng thu gom CTRSH tuyến đường khu dân cư, 8 bản đồ hiện trạng thu gom CTRSH tuyến đường hẻm tương ứng với 8 khu phố và 1 bản đồ hiện trạng thu gom CTRSH tại phường Hiệp Thành.
55.	Đại học	Đề xuất giải pháp nâng cao tỷ lệ đầu nối thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu vực Thành phố Dĩ An	Dương Quách Kim Ngân	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Thu gom và xử lý nước thải tập trung là một trong những nội dung quan trọng đối với công tác bảo vệ môi trường trong định hướng phát triển bền vững. Việc vận hành thành công hệ thống thu gom và xử lý nước thải một cách hiệu quả và hợp lý tốt sẽ tránh được tình trạng nước thải chưa qua xử lý hoặc đã xử lý nhưng chưa đạt chuẩn bị xả ra ngoài các con sông lớn, giảm thiểu vấn đề ô nhiễm môi trường nước, giảm các bệnh tật qua đó góp phần quan trọng vào việc phát triển bền vững tại các đô thị trong thời kỳ hiện nay. Bằng phương pháp thu thập số liệu cộng với việc khảo sát thực địa và thu thập ý kiến từ người dân lẫn cán bộ quản lý. Đề tài Báo cáo tốt nghiệp: “Đề xuất giải pháp nâng cao tỉ lệ đầu nối thu gom nước thải sinh hoạt tập trung tại khu vực thành phố Dĩ An” đã đánh giá được hiện trạng hệ thống thu gom nước thải trên các khu vực đã triển khai dự án, cũng như nhận thức của người dân về việc tham gia đầu nối, nhận định những nguyên nhân đồng thời đưa ra các giải pháp trong việc tuyên truyền vận động người dân tham gia vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt cho thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Báo cáo tốt nghiệp của em đã tập trung giải quyết các nội dung quan trọng sau đây: - Khảo sát thực tế và thông qua việc phỏng vấn trực tiếp bằng phiếu điều tra nhằm đánh giá nhận thức của người dân về hệ thống thu gom. Mức độ quan tâm của cơ quan quản lý đối với những khu vực đầu nối và chưa đầu nối. - Xác định những nguyên nhân dẫn đến tỉ lệ đầu nối thấp từ đó đề xuất một số giải pháp mà tác giả cho là có thể giúp cơ quan quản lý cải thiện được tỉ lệ người

					dân tham gia vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại thành phố Dĩ An, Bình Dương
56.	Đại học	Ứng dụng gis và thuật toán nội suy xây dựng bản đồ ONKK do hoạt động giao thông gây ra tại thành phố Thủ Dầu Một	Lục Minh Nhựt	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Bài báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu về đặc điểm hệ thống đường giao thông, mức độ ô nhiễm tiếng ồn từ hoạt động giao thông đường bộ trên các tuyến đường giao thông chính đi qua các trung tâm đô thị, các khu dân cư và các khu công nghiệp ở thành phố Thuận An. Kết quả đo đạc tại các vị trí đo tiếng ồn được thể hiện qua các bản đồ đánh giá mức độ ô nhiễm tiếng ồn theo các khung thời gian cao điểm sáng – chiều và thấp điểm ở các ngày trong tuần và ngày cuối tuần cho thấy phần lớn các vị trí đo ồn đều vượt quá quy chuẩn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT.
57.	Đại học	Đánh giá hiệu quả thực hiện chương trình thí điểm phân loại rác tại nguồn tại phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Nguyễn Minh Anh	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Để khảo sát tình hình phân loại CTRSH tại các hộ gia đình bài nghiên cứu đã nêu lên hiện trạng phát sinh CTRSH tại phường Uyên Hưng bao gồm: khối lượng và thành phần CTRSH phát sinh từ các hộ gia đình. Bên cạnh đó còn khảo sát khả năng thực hiện phân loại, ý thức tham gia chương trình của các hộ gia đình. Ngoài ra, các đặc điểm về công tác phân loại, thu gom, vận chuyển CTRSH của nhân viên thu gom tham gia chương trình cũng được nêu lên. Từ đó, có thể nhận thấy ưu điểm và hạn chế trong quá trình tham gia chương trình. Đây là cơ sở phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả của chương trình và tìm ra các nguyên nhân dẫn đến chương trình không đạt hiệu quả. Đề tài đã đề xuất các biện pháp để giải quyết các vấn đề mà chương trình đang mắc phải gồm: ý thức của người dân khi tham gia chương trình; UBND phường chưa kiểm tra, giám sát chặt chẽ; thiếu nguồn nhân lực; hình thức triển khai chương trình chưa tốt; công tác phối hợp giữa các cơ quan chưa chặt chẽ. Xây dựng hệ thống thu gom hoàn thiện hơn và nâng cao công tác tuyên truyền, vận động các hộ gia đình tham gia chương trình.

58.	Đại học	Đánh giá phát thải khí CO ₂ từ hoạt động giao thông trên địa bàn phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Bồ Linh Dương	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Báo cáo được thực hiện nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm khí CO trên 18 tuyến đường chính của phường Phú Cường, do ảnh hưởng của hoạt động giao thông bằng phương pháp sử dụng mô hình Sutton để ước tính nồng độ khí CO. Kết quả ước tính nồng độ khí CO, có 4 tuyến đường (Đại lộ Bình Dương, Bác sĩ YESIN, Cách Mạng Tháng 8, Nguyễn Thái Học) trên tổng 18 tuyến đường báo cáo đã nghiên cứu điều vượt chuẩn giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, chứng tỏ hoạt động giao thông tại phường Phú Cường đã ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí xung quanh.
59.	Đại học	Đánh giá phát thải khí CO ₂ từ hoạt động giao thông trên địa bàn phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đỗ Anh Hào	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Nghiên cứu thực hiện nhằm cung cấp số liệu về dự báo tải lượng và nồng độ của khí CO từ hoạt động giao thông tại khu vực phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Đề tài tiến hành đánh giá hiện trạng phát thải khí CO và từ đó đề xuất giải pháp giảm thiểu phát thải khí CO từ các phương tiện giao thông. Nghiên cứu có sử dụng các phương pháp tính toán tải lượng và nồng độ Kết quả về ước tính tải lượng: đường có tải lượng cao nhất là đường Phú Lợi và đường có tải lượng thấp nhất là đường Ngô Văn Trị. Kết quả về ước tính nồng độ vào khung giờ cao điểm sáng đều có đường Phú Lợi, Huỳnh Văn Lũy và vào khung giờ cao điểm chiều đều có đường Phú Lợi, Huỳnh Văn Lũy, Lê Hồng Phong có nồng độ khí CO vượt mức quy định trong QCVN 05:2013/BTNMT. Như vậy hoạt động giao thông trên các tuyến đường này gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng không khí và sức khỏe của người đi đường và người dân sống dọc hai bên đường.
60.	Đại học	Khảo sát hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất	Trần Trung Hiếu	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp thu thập tài liệu từ các báo cáo chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Giáo, Xí nghiệp công trình công cộng huyện Phú Giáo để thống kê khối lượng, thành phần chất thải rắn sinh hoạt tại huyện. Kết hợp với khảo sát thực địa

		thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Phú Giáo			để tìm hiểu tình hình thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt cùng với tìm hiểu công tác quản lý hành chính đối với CTR sinh hoạt của khu vực. Bên cạnh đó đề tài còn sử dụng phương pháp xác định nguyên nhân dẫn đến công tác quản lý CTR sinh hoạt tại huyện chưa hoàn thiện, bao gồm các nguyên nhân: thiếu nguồn nhân lực quản lý, nhân viên thu gom; các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện phục vụ thu gom, vận chuyển không phù hợp; không huy động được các nguồn đầu tư cho công tác quản lý CTR sinh hoạt. Đề tài đã đề xuất một số giải pháp về pháp lý, kinh tế, kỹ thuật, giáo dục – truyền thông nhằm cải thiện công tác quản lý CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện
61.	Đại học	Đề xuất giải pháp nâng cao tỷ lệ đầu nổi thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu vực Thành phố Dĩ An	Phan Thị Thanh Ngân	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Ngành suất ăn công nghiệp là ngành công nghiệp mới và đang phát triển, nhất là ở các nước đang trên đà phát triển. Đây là ngành có tốc độ tăng trưởng khá cao trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, quá trình phát triển đó luôn tồn tại nhiều khó khăn về việc quản lý lượng chất thải rắn sinh ra từ quy trình chế biến đến thành phẩm vẫn chưa được xử lý, tận dụng và bảo quản một cách hợp lý. Từ những bất cập trên đề tài : “Đề xuất giải pháp sản xuất sạch hơn áp dụng tại công ty TNHH TM-DV Hải Thành An” được thực hiện để tìm ra giải pháp quản lý, tận dụng lượng chất thải rắn một cách hợp lý. Từ đó mang lại hiệu quả kinh tế và môi trường cho công ty. Để đề xuất các giải pháp phù hợp và mang lại lợi ích cho công ty đề tài đã áp dụng các phương pháp như : phương pháp thu thập thông tin, phương pháp khảo sát thực địa, phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu, phương pháp phân tích tính khả thi về kỹ thuật, kinh tế và môi trường, phương pháp trọng số. Kết quả nghiên cứu, đã thu được một số giải pháp đem lại hiệu quả kỹ thuật, kinh tế và môi trường nhất định trong quy trình sơ chế đến thành phẩm tại công ty. Đề tài đã phân tích được 20 giải pháp SXSH. Trong đó có 15 giải pháp có thể thực hiện ngay, 5 giải pháp bị loại bỏ. Trong 15 giải pháp thì có giải pháp 11 mang lại lợi ích kinh tế rất lớn cho công ty, còn các giải pháp còn lại giúp công ty tiết kiệm, bảo quản nguyên nhiên liệu, chất thải rắn và nâng cao ý thức công nhân viên một cách quả hơn.

62.	Đại học	Ứng dụng GIS thành lập bản đồ quản lý công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại phường Hiệp An	Đỗ Trần Hữu Nghiệp	ThS. Phạm Phương Thanh Bùi	Đề tài nghiên cứu “Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS thành lập bản đồ quản lý công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại phường Hiệp An” được thực hiện nhằm áp dụng các lợi ích mà hệ thống thông tin địa lý đang có áp dụng cho công tác quản lý thu gom CTRSH góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tại khu vực nghiên cứu. Đề tài đã xây dựng bản đồ chuyên đề quản lý công tác thu gom CTRSH tại phường Hiệp An và bản đồ đề xuất lộ trình thu gom mới với ba điểm hẹn được xây dựng thêm
63.	Đại học	Khảo sát hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Phường Lái Thiêu	Huỳnh Nguyễn Thành Phát	ThS. Phạm Phương Thanh Bùi	Đề tài được thực hiện nhằm để đánh giá quản lý chất thải rắn sinh hoạt gồm các hoạt động thu gom, trung chuyển, vận chuyển, xử lý CTRSH tại phường Lái Thiêu. Từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt góp phần cải thiện mỹ quan đô thị, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân tại phường Lái Thiêu.
64.	Đại học	Khảo sát hiện trạng quản lý CTR Y Tế tại các trạm y tế trên địa bàn Thị xã Tân Uyên	Bùi Kim Phụng	ThS. Phạm Phương Thanh Bùi	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát hiện trạng quản lý CTYT tại TYT/PKĐK, từ đó đưa ra những biện pháp để góp phần cải thiện và hạn chế ô nhiễm môi trường của trạm y tế/phòng khám đa khoa ở thị xã. Theo khảo sát thực tế tại các trạm y tế ở thị xã Tân Uyên, tác giả xác định được khối lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại 12 TYT/PKĐK là: 32,545kg/ngày, trong đó: chất thải rắn y tế thông thường chiếm 18,199kg/ngày; chất thải y tế nguy hại chiếm 14,344kg/ngày. Trong đề tài, tác giả đưa ra được một số khó khăn, hạn chế trong công tác phân loại rác tại nguồn cần được khắc phục: - Công tác giám sát chất thải rắn y tế tại các trạm y tế còn lỏng lẻo, chưa gắt gao.

					- Thiếu sự phối hợp thực hiện phân loại rác giữa các nhân viên y tế do thiếu ban quản lý về chất thải rắn y tế. - Phân loại chưa rõ ràng giữa chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại. - Ý thức phân loại chất thải rắn y tế và bảo vệ môi trường của nhân viên y tế, bệnh nhân còn kém - Các chương trình đào tạo, tập huấn về chất thải rắn y tế chưa được đẩy mạnh và mở rộng. Bên cạnh đó, tác giả đưa ra được một số biện pháp để cải thiện, khắc phục những hạn chế trên nhằm cải thiện tình hình vệ sinh môi trường và các yếu tố gây hại tới sức khỏe con người tại các trạm y tế: - Đẩy mạnh công tác giám sát, kiểm tra công tác quản lý chất thải rắn y tế tại các trạm để có những biện pháp xử phạt đối với những trạm vi phạm và khen thưởng đối với những trạm thực hiện tốt. - Tại các trạm phải có nhân lực phụ trách riêng về công tác quản lý chất thải rắn y tế để đưa ra chương trình phân loại chất thải rắn y tế được rõ ràng và hiệu quả hơn. - Cần trang bị thêm trang, thiết bị phục vụ cho công tác phân loại chất thải rắn y tế. - Giáo dục, nâng cao nhận thức cho nhân viên y tế, đặc biệt là bệnh nhân về công tác quản lý chất thải rắn y tế. - Đẩy mạnh chương trình tập huấn về chất thải rắn y tế để toàn bộ nhân viên y tế và bệnh nhân được tham gia
--	--	--	--	--	--

65.	Đại học	Bước đầu nghiên cứu chế tạo gạch sinh thái từ rác thải nhựa	Bùi Thị Kim Phượng	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Bài báo cáo trình bày thực trạng rác thải nhựa ở Việt Nam và trên thế giới, cùng với quá trình thực hiện mô hình khung thùng rác bằng gạch sinh thái. Đề tài thu gom rác thải nhựa ở nhiều khu vực và khảo sát mức độ hài lòng của người dân về mô hình tại khu phố 2, phường Phú Tân, TP.TDM, Bình Dương. Kết quả nghiên cứu đạt được là một mô hình khung thùng rác từ rác thải nhựa có giá khoảng 82.000đ, thể tích là 30,7 lít, góp phần giảm thiểu 3.2kg rác thải nhựa phát sinh hằng ngày của người dân và đã được người dân đánh giá cao về mức độ chắc chắn, sức chứa, lợi ích về các mặt kinh tế, môi trường và xã hội thông qua phiếu khảo sát. Qua quá trình thực hiện đề tài, có nhiều ưu điểm và nhược điểm cũng như những hạn chế và lợi ích của mô hình đem lại
66.	Đại học	Đánh giá tác động môi trường của dự án Công ty TNHH KSF Vina	Nguyễn Văn Tâm	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Đề tài được thực hiện để đánh giá tác động môi trường của dự án công ty TNHH KSF VINA, đánh giá tác động môi trường là công cụ khoa học, kỹ thuật nhằm phân tích, dự đoán các tác động có hại trực tiếp, gián tiếp, trước mắt và lâu dài của dự án ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội của khu vực, qua việc sử dụng nhiều phương pháp so sánh đánh giá trong và ngoài nước như Who, Wrap Fugitive Dust Handbook, Countess Environmental... cùng với các quyết định, quy chuẩn, tiêu chuẩn... của Việt Nam về các vấn đề liên quan đến dự án. Từ đó tìm ra giải pháp tối ưu để hạn chế các tác động xấu của dự án. Các giải pháp được đề xuất trong đề tài đều được tham khảo từ một số văn bản pháp luật hiện hành, ý kiến của các chuyên gia và kinh nghiệm từ một số dự án đã được thực hiện trước đó với cùng đặc thù về ngành nghề sản xuất sao cho các biện pháp đề xuất thực hiện mang lại hiệu quả cao giúp cho chủ dự án tiết kiệm được chi phí và giúp cho môi trường xung quanh dự án tránh được các tác động xấu đó.
67.	Đại học	Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại	Trần Thị Kiều Tiên	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Đề tài tập trung nghiên cứu tình trạng phát sinh rác thải, hiện trạng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại phường Tân Vĩnh Hiệp. Đưa ra những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn phường Tân Vĩnh Hiệp – thị xã Tân Uyên – tỉnh Bình Dương. Thông qua đề tài biết được:

		phường Tân Vĩnh Hiệp			Khối lượng và thành chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn phường Tân Vĩnh Hiệp. Hệ thống thu gom của phường thuộc sự quản lý của nhà nước là Tổ Môi Trường UBND phường Tân Vĩnh Hiệp và Công ty TNHH Khánh Minh Khoa, hiện trạng thu gom còn nhiều bất cập như tuyến thu gom, thời gian thu gom, phương tiện lưu trữ chủ yếu là túi nylon và thùng rác không nắp đậy trên khu vực. Nguyên nhân dẫn tới sự thiếu hiệu quả trong công tác quản lý là từ sự thiếu ý thức thiếu hiểu biết của người dân, nguồn kinh phí cho hệ thống quản lý chất thải tại phường Tân Vĩnh Hiệp còn thiếu. Cuối cùng, đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Tân Vĩnh Hiệp đồng thời đưa ra chính sách đối phó với lượng rác thải đang tăng lên từng ngày trên địa bàn phường.
68.	Đại học	Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại phường Uyên Hưng	Phạm Tuấn	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Đề tài được thực hiện nhằm để đánh giá quản lý chất thải rắn sinh hoạt gồm các hoạt động thu gom, trung chuyển, vận chuyển, xử lý CTRSH tại phường Uyên Hưng. Từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt góp phần cải thiện mỹ quan đô thị, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên.
69.	Đại học	Đề xuất giải pháp bơm nước thô hợp lý tại nhà máy nước Khu Liên Hợp	Mai Thị Như Ý	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Đề tài “Đề xuất biện pháp bơm nước thô hợp lý cho nhà máy nước cấp Khu Liên Hợp” được thực hiện thông qua các phương pháp như: phương pháp nghiên cứu cơ sở lý thuyết, phương pháp khảo sát thực địa, phương pháp thu thập dữ liệu, số liệu, phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu. Đề tài cứu đã tập trung tìm hiểu quy trình xử lý nước cấp tại nhà máy, quy trình bơm nước thô, nhận xét ưu nhược điểm của khung giờ bơm hiện tại từ đó có thể đề xuất các khung giờ bơm thay thế và lựa chọn phương án phù hợp.

					Bài nghiên cứu đã đề xuất và lựa chọn được phương án phù hợp cho nhà máy giúp tiết kiệm được chi phí điện năng. Phương án 1 được tác giả lựa chọn giúp cho nhà máy giảm được 2,870 kWh điện tiêu thụ và giảm được 7,792,345 tiền điện phải trả. Tuy nhiên với thời gian thực hiện nghiên cứu ngắn bài nghiên cứu chỉ đạt được hiệu quả cao vào mùa mưa. Đối với mùa khô cần theo dõi lưu lượng nước thô, điện tiêu thụ, thời gian hoạt động của bơm để có điều chỉnh phù hợp hơn.
70.	Đại học	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý môi trường tại Nhà máy xử lý nước thải Tân Uyên	Nguyễn Trịnh Ánh Nga	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Để khảo sát hiện trạng môi trường, khảo sát công tác quản lý môi trường tại Nhà máy Xử lý Nước thải Tân Uyên, tỉnh Bình Dương điều quan cần quan tâm chú trọng là xác định rõ được hiện trạng môi trường tại Nhà máy Xử lý Nước thải. Từ các kết quả về hiện trạng môi trường tại nhà máy cho thấy rõ các vấn đề còn tồn đọng như: bụi, tiếng ồn, nước thải, khí thải, chất thải và các vấn đề về công tác quản lý hiện tại. Dựa theo các kết quả quan trắc định kỳ để phân tích đánh giá các chất lượng với nhau. Từ đó dựa theo, phân tích kết quả về hiện trạng môi trường nước thải đang được xử lý và quản lý vận hành như thế nào, đánh giá môi trường không khí vẫn còn khí gây ô nhiễm như H_2S và NH_3, từ đó đưa ra giải pháp xử lý triệt để. Các kết quả đánh giá hiện trạng môi trường cho thấy được hiện trạng nhà máy vẫn còn một số điểm nhỏ cần khắc phục, công tác quản lý môi trường cần nâng cao, đề xuất xây dựng hướng quản lý môi trường theo tiêu chí ISO 14001 cần được triển khai áp dụng cho nhà máy hay là xây dựng vững chắc về mặt quản lý cho môi trường tại nhà máy vững chắc hơn. Ngoài ra còn sử dụng phân tích SWOT để đánh giá rõ hiện trạng chung của toàn bộ nhà máy. Nghiên cứu này là tài liệu tham khảo đáng tin cậy dùng cho sinh viên ngành quản lý tài nguyên và môi trường để học tập và nghiên cứu áp dụng tại các khu vực khác.
71.	Đại học	Đề xuất kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án	Trần Thanh Bảo Châu	ThS. Bùi Phạm Phương Thanh	Sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp đã góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung. Tuy nhiên, lượng lớn các nhà máy, xí nghiệp, cụm công nghiệp tăng cao đã ảnh hưởng

		công ty Eagle Wood			tiêu cực đến môi trường tại tỉnh Bình Dương. Vì vậy, cần có những giải pháp để phát triển kinh tế bền vững hơn mà không tác động đến môi trường. Kế hoạch bảo vệ môi trường, là một trong các công tác quản lý môi trường, một cách tiếp cận giúp doanh nghiệp và nhà nước quản lý tốt hơn về môi trường. Nghiên cứu này đã chọn dự án của Công ty trách nhiệm hữu hạn Eagle Wood để đề xuất Kế hoạch bảo vệ môi trường nhằm phân tích và đánh giá các chỉ số ô nhiễm môi trường khi thực hiện một dự án, từ đó đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường thích hợp khi dự án được đưa vào hoạt động.
72.	Đại học	So sánh ảnh hưởng của Se(IV) và Se(VI) đối với sự ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Phan Yến Nhi	TS. Trần Thị Anh Thư	So sánh ảnh hưởng của Se(IV) và Se(VI) đối với sự ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm
73.	Đại học	So sánh sự ức chế độc chất Cu và Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của Se(IV) trong	Nguyễn Tấn Phát	TS. Trần Thị Anh Thư	So sánh sự ức chế độc chất Cu và Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của Se(IV) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm

		điều kiện giả định đất ô nhiễm			
74.	Đại học	So sánh khả năng ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của rơm rạ và ngô trong điều kiện giả định đất ô nhiễm có sử dụng Se (VI)	Ngô Tấn Tài	TS. Trần Thị Anh Thư	So sánh khả năng ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của rơm rạ và ngô trong điều kiện giả định đất ô nhiễm có sử dụng Se (VI)
75.	Đại học	Sử dụng Se (IV) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (ngô) ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều	Huỳnh Anh Thư	TS. Trần Thị Anh Thư	Đề tài này nghiên cứu với mục tiêu sử dụng Se (IV) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (ngô) ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa trong điều kiện giả định đất ô nhiễm. Thí nghiệm chậu đất được thiết kế đã thêm vào Zn với Se ở các nồng độ khác nhau: Zn 200 mg/kg, Zn 400 mg/kg, Zn 800 mg/kg; Se với các nồng độ: Se 0 mg/kg, Se 0.5 mg/kg, Se 1.0 mg/kg, Se 2.5 mg/kg và phế phẩm nông nghiệp ngô với hàm lượng 0 và 20 g/kg đất. Thí nghiệm sử dụng phương pháp phân tích AAS để phân tích nồng độ trong thân và rễ của cây cải thìa. Kết quả cho thấy Se (IV) đã làm giảm được nồng độ Zn trong thân và rễ cây cải thìa với 2.5 mg/kg là nồng độ Zn giảm tối ưu nhất. Thí nghiệm nồng độ Zn trong rễ và thân cải thìa khi thêm phế phẩm nông nghiệp (ngô) đã làm giảm Zn trong cây và giảm ở nồng độ Zn 800 mg/kg. Thí nghiệm khi kết hợp Se (IV) và thân ngô làm giảm tối ưu nhất để đạt hiệu quả tốt nhất khi giảm Zn trong cây cải thìa. Nghiên cứu này là bước phát triển mới cho nền nông nghiệp sạch và là đề tài có ý nghĩa cho việc giảm

		kiện giả định đất ô nhiễm			kim loại nặng trong đất.
76.	Đại học	Sử dụng Se (IV) ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Nguyễn Thị Anh Thư	TS. Trần Thị Anh Thư	Đề tài nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu đánh giá sự ức chế độc chất Zn bằng Se (IV) lên cây cải thìa (<i>Brassica Rapa Chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất bị ô nhiễm tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Các thí nghiệm ở đất được thêm vào Zn với các nồng độ 200, 200, 800 mg/kg và Se với các nồng độ 0, 0.5, 1.0, 2.5 mg/kg và sử dụng máy phân tích AAS để phân tích nồng độ Zn ở trong thân và rễ cây cải thìa, đồng thời phân tích các dạng của Zn trong đất dưới dạng 7 hình thái khác nhau. Kết quả cho thấy rằng, với sự thêm vào của Se thì có thể thấy được phần trăm các hình thái Zn di động giảm, phần trăm các hình thái Zn cố định tăng lên kể cả trước khi trồng và sau khi thu hoạch. Theo đó, Se cũng làm giảm nồng độ Zn trong thân và rễ cây cải thìa đặc biệt là ở nồng độ Se 2.5 mg/kg. Nghiên cứu này đóng vai trò quan trọng cho các hướng nghiên cứu giảm nồng độ kim loại nặng trong đất nhằm tạo ra đất sạch và nông nghiệp sạch góp phần đảm bảo an toàn cho sức khỏe con người.
77.	Đại học	Sử dụng Se (IV) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Trần Lê Uyên	TS. Trần Thị Anh Thư	Sử dụng Se (IV) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm
78.	Đại học	So sánh khả năng ức chế độc chất Cu	Phan Minh Vũ	TS. Trần Thị Anh Thư	Mục tiêu của nghiên cứu này là dùng Se (IV) kết hợp với chế phẩm sinh học (rơm rạ và ngô) để ức chế nồng độ kim loại nặng đồng (Cu) hấp thụ lên cây cải thìa trong điều kiện giả định đất bị ô nhiễm. Thí nghiệm được thực hiện bằng các chậu

		hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của rơm rạ và ngô trong điều kiện giả định đất ô nhiễm có sử dụng Se (IV)			đất với những nồng độ đồng khác nhau như: Cu100 (mg/kg), nồng độ Cu200(mg/kg) và nồng độ Cu400 (mg/kg) và có sử dụng thêm nồng độ Selen khác nhau nhằm để giảm nồng độ Cu trong cây cải thìa như nồng độ Se0.5 (mg/kg), nồng độ Se1.0 (mg/kg), nồng độ Se2.5 (mg/kg) và còn sử dụng thêm phế phẩm nông nghiệp (Rơm, ngô) 20g/chậu và những nồng độ Cu được hấp thụ lên thân và rễ cây cải thìa được đo bằng máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS). Kết quả cho ra được là các nồng độ Se làm giảm được nồng độ Cu trong thân, rễ cây cải thìa ở nồng độ Se2.5 (mg/kg) sẽ làm giảm nồng độ Cu trong thân và rễ hiệu quả nhất. Đối với phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ, ngô) cũng làm giảm được nồng độ Cu. Tuy nhiên khi kết hợp giữa các nồng độ Se và phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ, ngô) làm giảm nồng độ Cu mạnh mẽ nhất. Nhận định là hết sức quan trọng cho các nghiên cứu sử dụng chế phẩm sinh học để giảm thiểu hàm lượng kim loại nặng lên cây trong ngành công nghiệp sản xuất rau sạch của nước ta.
79.	Đại học	Sử dụng Se (IV) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Đỗ Lê Phương Vy	TS. Trần Thị Anh Thư	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu sử dụng Se (IV) kết hợp với phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa trong điều kiện giả định đất ô nhiễm. Các thí nghiệm sẽ được thiết kế với các chậu có nồng độ Se, Cu và rơm rạ khác nhau. Đất sẽ cho vào mỗi chậu 1 kg đất, Se và Cu được thêm vào trong nghiên cứu này với nồng độ lần lượt là 0; 0,5; 1,0; 2,5 mg/kg đất đối với Se (IV) (Na_2SeO_4) và 100; 200; 400 mg/kg đất đối với Cu ($\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$), rơm rạ được thêm vào mỗi chậu với khối lượng 10 g/kg và loại cây được trồng trong mỗi chậu là cây cải thìa. Mẫu thân cây và rễ cây cải thìa được xử lý phá mẫu bằng dung dịch HNO_3 65% và HClO_4 37% để phân tích hàm lượng KLN tổng số bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa – AAS. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng: Phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) có thể làm giảm lượng Cu trong cây cải thìa, tuy nhiên giảm nhiều hơn khi Cu ở nồng độ cao, Se cũng có thể giảm được nồng độ Cu trong cây, và khi Se ở nồng độ 2.5 mg/kg sẽ cho ra kết quả tối ưu nhất. Khi kết hợp phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) và Se (IV) thì nồng độ Cu trong thân và rễ cây đạt giảm được nhiều nhất. Nghiên cứu này là bước khám phá mới đối với việc xử lý kim loại nặng trong đất, và định hướng được việc quản lý đất đai trong tương lai.

80.	Đại học	Sử dụng Se (VI) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (ngô) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Phạm Huỳnh Yến Vy	TS. Trần Thị Anh Thư	Sử dụng Se (VI) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (ngô) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm
81.	Đại học	Sử dụng Se (VI) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm.	Nguyễn Võ Hữu Tình	TS. Trần Thị Anh Thư	Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu Sử dụng Selen (VI) ức chế độc chất đồng (Cu) hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm. Mẫu đất được lấy làm thí nghiệm là loại đất trồng cây ăn quả. Vị trí lấy đất ở khu vực phía Nam của tỉnh Bình Dương, cụ thể là thuộc phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Các thí nghiệm sẽ được thiết kế với các chậu có nồng độ Se và Cu khác nhau. Đất sẽ cho vào mỗi chậu 1kg đất, Se và Cu được thêm vào trong nghiên cứu này với nồng độ lần lượt là 0; 0,5; 1,0; 2,5 mg/kg đất đối với Se (VI) (Na_2SeO_4) và 100; 200; 400 mg/kg đất đối với Cu ($\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$). Sau đó, tôi sẽ sử dụng máy phân tích AAS để phân tích nồng độ Cu trong thân và rễ cây cải thìa, đồng thời phân tích các dạng của Cu trong đất dưới dạng 7 hình thái khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy, với sự thêm vào của Se thì có thể thấy được phần trăm các hình thái Cu di động giảm, phần trăm các hình thái Cu cố định tăng lên kể cả trước khi trồng và sau khi thu hoạch. Đồng thời Se cũng có thể giảm được nồng độ Cu trong thân và rễ cây cải thìa, với nồng độ Se càng cao (Se 2.5 mg/kg) thì sẽ cho ra kết quả tối ưu nhất. Nhận định này là hết sức quan trọng để đánh giá Se có thể giảm nồng độ của Kim loại

					nặng Cu trong đất và khả năng hấp thụ lên cây cải. Nhằm tạo ra đất sạch góp phần đảm bảo an toàn cho sức khỏe con người.
82.	Đại học	Sử dụng Se (VI) ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Nguyễn Ngọc Anh	TS. Trần Thị Anh Thư	Đề tài nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu đánh giá sự ức chế độc chất Zn bằng Se (VI) lên cây cải thìa (<i>Brassica Rapa Chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất bị ô nhiễm tại phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có các thí nghiệm ở đất được thêm vào Zn với các nồng độ 200, 200, 800 mg/kg và Se với các nồng độ 0, 0.5, 1.0, 2.5 mg/kg và sử dụng máy phân tích AAS để phân tích nồng độ Zn ở trong thân và rễ cây cải thìa, đồng thời phân tích các dạng của Zn trong đất dưới dạng 7 hình thái khác nhau. Kết quả cho thấy rằng, với sự thêm vào của Se thì có thể thấy được phần trăm các hình thái Zn di động giảm, phần trăm các hình thái Zn cố định tăng lên kể cả trước khi trồng và sau khi thu hoạch. Theo đó, Se cũng làm giảm nồng độ Zn trong thân và rễ cây cải thìa đặc biệt là ở nồng độ Se 2.5 mg/kg. Nghiên cứu này đóng vai trò quan trọng cho các hướng nghiên cứu giảm nồng độ kim loại nặng trong đất nhằm tạo ra đất sạch và nông nghiệp sạch góp phần đảm bảo an toàn cho sức khỏe con người.
83.	Đại học	Sử dụng Se (VI) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Trần Thị Kim Dung	TS. Trần Thị Anh Thư	Nghiên cứu này được thực hiện để tìm hiểu ảnh hưởng của Se (VI) và phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) đối với sự ức chế nồng độ kim loại nặng kẽm (Zn) hấp thụ lên cây cải thìa. Các chậu đất đã thêm vào Zn với Se ở các nồng độ khác nhau: Zn 200, 400, 800 mg/kg; Se với các nồng độ: Se 0, 0.5, 1.0, 2.5 mg/kg và phế phẩm nông nghiệp (rơm) với hàm lượng 0 và 20g/kg. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích AAS để phân tích nồng độ Zn trong cây cải thìa. Kết quả thí nghiệm cho thấy rằng sử dụng Se (VI) làm giảm nồng độ Zn trong cây cải thìa, trong đó trong thân nhiều hơn trong rễ khi sử dụng nồng độ Se (VI) ở mức thích hợp (2.5 mg/kg). Thí nghiệm sử dụng kết hợp với rơm (hàm lượng 20g/kg đất) làm tăng khả năng ức chế kim loại Zn trong rau, trong đó đạt hiệu quả nhất ở nồng độ Zn 800 mg/kg, rơm đã giảm được nồng độ Zn hấp thụ trong thân và rễ. Và cuối cùng là khi sử dụng kết hợp với Se (VI) và rơm thì đã làm tăng khả năng ức chế kim loại trong cây cải thìa cho ra kết quả thí nghiệm giảm nồng độ độc chất kim loại tối ưu nhất nhất so với khi cho Zn kết hợp với Se hay rơm riêng lẻ. Nghiên cứu đã phát hiện ra được tầm quan trọng của Se (VI) trong việc giảm

					được sự tích lũy độc chất kim loại trong rau trồng, đặc biệt là khi kết hợp phế phẩm nông nghiệp với chi phí thấp.
84.	Đại học	So sánh sự ức chế độc chất Cu và Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Nguyễn Thanh Hằng	TS. Trần Thị Anh Thư	Đề tài “ So sánh sự ức chế độc chất Cu và Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica Rapa Chinensis</i>) của phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm”. Thí nghiệm chậu đất với các nồng độ khác nhau của Cu, Zn lần lượt là Cu100, Cu200, Cu400, Zn200, Zn400, Zn800 và rơm rạ là 20g/kg. Nồng độ Zn, Cu trong thân, rễ cây cải thìa được đo bằng máy AAS. Kết quả cho thấy rơm rạ có thể giảm được Zn, Cu trong cây cải thìa và nồng độ thích hợp nhất để giảm được là Zn800. Tuy nhiên nồng độ ô nhiễm cao nhất của Zn và Cu cho hiệu quả tốt nhất. Đồng thời Zn giảm tốt hơn khi thrm phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ). Nghiên cứu này hết sức quan trọng trong định hướng giảm kim loại nặng trong đất tạo ra các sản phẩm sạch cho tương lai.
85.	Đại học	So sánh khả năng ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của rơm rạ và ngô trong điều kiện giả định đất ô nhiễm có sử dụng Se (IV)	Huỳnh Trần Hậu	TS. Trần Thị Anh Thư	So sánh khả năng ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của rơm rạ và ngô trong điều kiện giả định đất ô nhiễm có sử dụng Se (IV)

86.	Đại học	Sử dụng Se (VI) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Lê Kim Hồng	TS. Trần Thị Anh Thư	Nghiên cứu này thực hiện với mục tiêu là sử dụng Se (VI) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica Rapa Chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm. Mẫu đất thí nghiệm được lấy tại địa bàn Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Các thí nghiệm chậu sẽ được thiết kế với các nồng độ khác nhau của Cu là 100, 200, 400 mg/kg đất; Se là 0, 0.5, 1.0, 2.5 mg/kg đất và rơm rạ là 0g, 20g/kg đất. Và tiến hành trồng cây cải thìa trong các chậu này. Sau khi thu hoạch, mẫu cây sẽ được phân tích hàm lượng Cu trong rễ và thân cây cải. Kết quả cho thấy rằng Se(VI) giảm được hàm lượng Cu trong cây với nồng độ tối ưu là 2.5 mg/kg. Rơm rạ cũng có khả năng giảm được hàm lượng Cu, tuy nhiên hàm lượng này giảm mạnh mẽ hơn khi Cu ở nồng độ cao. Khi cùng kết hợp cả Se(VI) và rơm rạ thì hàm lượng Cu trong cây cải thìa giảm nhiều nhất. Nhận định này được cho là hết sức quan trọng để đánh giá sự ảnh hưởng của Se(VI) và phế phẩm nông nghiệp đến khả năng hấp thụ kim loại nặng trong cây.
87.	Đại học	So sánh ảnh hưởng của Se(IV) và Se (VI) đối với sự ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	TS. Trần Thị Anh Thư	So sánh ảnh hưởng của Se(IV) và Se (VI) đối với sự ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm
88.	Đại học	So sánh khả năng ức chế	Lê Hoàng Lâm	TS. Trần Thị Anh Thư	Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu sử dụng Selen (VI) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (Rơm rạ và ngô) ức chế độc chất đồng (Cu) hấp thụ lên cây

		độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của rom rạ và thân ngô trong điều kiện giả định đất ô nhiễm có sử dụng Se (VI)			cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm. Mẫu đất được lấy làm thí nghiệm là loại đất trồng cây ăn quả. Vị trí lấy đất ở khu vực phía Bắc của tỉnh Bình Dương, cụ thể là thuộc phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Các thí nghiệm sẽ được thiết kế với các chậu có nồng độ Se và Cu khác nhau. Đất sẽ cho vào mỗi chậu 1kg đất, 20g Rom rạ, 20g Ngô, Se và Cu được thêm vào trong nghiên cứu này, với nồng độ lần lượt là 0; 0,5; 1,0; 2,5 mg/kg đất đối với Se (VI) (Na_2SeO_4) và 100; 200; 400 mg/kg đất đối với Cu ($\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$). Sau đó, nồng độ đồng (Cu) trong cây được phân tích bằng máy AAS. Kết quả nghiên cứu cho thấy Se có tác dụng làm ức chế làm giảm nồng độ độc chất đồng (Cu) trong cây cải thìa, nhưng ở hàm lượng Se 2.5mg/kg cho thấy kết quả tối ưu nhất. Phế phẩm nông nghiệp (Rom rạ và ngô) có tác dụng làm ức chế làm giảm nồng độ độc chất đồng (Cu) trong cây cải thìa. Tuy nhiên Se kết hợp với phế phẩm nông nghiệp (rom rạ và ngô) sẽ cho kết quả tối ưu nhất. Nhận định này là hết sức quan trọng để đánh giá Se, rom rạ và ngô có thể giảm nồng độ của Kim loại nặng Cu hấp thụ lên cây cải thìa. Đây là 1 nghiên cứu hữu ích cho hướng quản lý đất trong tương lai, mở ra một nền nông nghiệp mới.
89.	Đại học	So sánh sự ức chế độc chất Cu và Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của Se(VI) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Trịnh Ngọc Mai	TS. Trần Thị Anh Thư	So sánh sự ức chế độc chất Cu và Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của Se(VI) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm
90.	Đại học	Sử dụng Se (IV) kết hợp phế phẩm	Lý Thùy Mị	TS. Trần Thị Anh Thư	Đề tài nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu sử dụng Se (IV) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (ngô) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm. Vị trí lấy đất ở khu vực phía

		nông nghiệp (ngô) ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm			Nam của tỉnh Bình Dương, cụ thể là thuộc phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Mẫu đất được lấy làm thí nghiệm là đất trồng cây ăn quả. Các thí nghiệm sẽ được thiết kế với các chậu có nồng độ Se (IV) và Cu khác nhau. Đất sẽ cho vào mỗi chậu 1 kg đất và Ngô (20g), Se (IV) và Cu được thêm vào trong nghiên cứu này, với nồng độ lần lượt là 0; 0,5; 1,0; 2,5 mg/kg đất đối với Se (IV) (Na_2SeO_4) và 100; 200; 400 mg/kg đất đối với Cu ($\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$). Sau đó, sẽ phân tích nồng độ tổng của cây cải được trồng qua mỗi chậu, nồng độ đồng (Cu) trong cây được phân tích qua máy AAS. Kết quả nghiên cứu cho thấy Se (IV) có tác dụng làm ức chế nồng độ độc chất Cu trong cây cải thìa và thân ngô. Nhưng ở nồng độ Se 2.5 mg/kg là mức tối ưu nhất. Phế phẩm nông nghiệp ngô cũng có khả năng giảm hàm lượng Cu trong cây cải. Se (IV) kết hợp với phế phẩm nông nghiệp (ngô) hàm lượng Cu trong cây cải giảm cao nhất. Nhận định này là hết sức quan trọng để đánh giá Se (IV) và ngô có thể giảm nồng độ của kim loại nặng hấp thụ lên cây cải thìa. Đây là một nghiên cứu hữu ích cho hướng quản lý đất trong tương lai, mở ra một nền nông nghiệp mới.
91.	Đại học	Sử dụng Se (VI) kết hợp phế phẩm nông nghiệp (ngô) ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Ngô Thị Thu Trâm	TS. Trần Thị Anh Thư	Đề tài nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu sử dụng Se (VI) kết hợp với phế phẩm nông nghiệp (ngô) ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica Rapa Chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm tại Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Các thí nghiệm ở đất được thêm vào Zn với các nồng độ 200, 400, 800 mg/kg và Se (VI) với các nồng độ 0, 0.5, 1.0, 2.5 mg/kg và phế phẩm nông nghiệp ngô 20g/kg và sử dụng máy phân tích AAS để phân tích nồng độ Zn ở trong thân và rễ cây cải thìa. Kết quả cho ra được là Se (VI) làm giảm được nồng độ Zn đặc biệt với Se 0.5 và phế phẩm nông nghiệp ngô có thể giảm được nồng độ Zn; sự kết hợp giữa Se (VI) và phế phẩm nông nghiệp ngô làm giảm nồng độ Zn mang lại hiệu quả tối ưu nhất. Nghiên cứu này đóng vai trò quan trọng cho các hướng nghiên cứu giảm nồng độ kim loại nặng trong đất nhằm tạo ra đất sạch và nông nghiệp sạch góp phần đảm bảo an toàn cho sức khỏe con người.

92.	Đại học	So sánh ảnh hưởng của rom rạ và ngô đối với sự ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chineniss</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Đoàn Lê Tánh	TS. Trần Thị Anh Thư	So sánh ảnh hưởng của rom rạ và ngô đối với sự ức chế độc chất Cu hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chineniss</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm
93.	Đại học	Sử dụng Se (IV) kết hợp chế phẩm nông nghiệp (rom rạ) ức chế độc chất Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chineniss</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm	Võ Trần Mai Phương	TS. Trần Thị Anh Thư	Đề tài này được thực hiện với mục tiêu so sánh sự ức chế độc chất Cu và Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chineniss</i>) của Se (VI) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm. Vị trí lấy mẫu đất thuộc khu vực tỉnh Bình Dương, cụ thể là phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương. Mẫu đất được lấy làm thí nghiệm là đất trồng cây ăn quả. Các thí nghiệm sẽ được thiết kế với các chậu có nồng độ Cu, Zn và Se khác nhau. Đất sẽ được cho vào mỗi chậu với khối lượng là 1 kg, Zn, Cu và Se được thêm vào trong nghiên cứu này với nồng độ lần lượt là 100; 200; 400 mg/kg đất đối với Cu ($\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$), 200; 400; 800 mg/kg đất đối với Zn ($\text{ZnSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$) và 0; 0.5; 1.0; 2.5 đối với Se (VI) (Na_2SeO_4). Sau đó sẽ phân tích nồng độ tổng của cây cải được trồng qua mỗi chậu, nồng độ đồng (Cu) và Kẽm (Zn) được phân tích qua máy AAS. Kết quả nghiên cứu cho thấy Se có tác dụng ức chế làm giảm nồng độ độc chất Cu và Zn trong cây cải thìa, tuy nhiên với Se có nồng độ 2.5 mg/kg sẽ làm giảm nồng độ độc chất Cu và Zn hiệu quả nhất. Qua so sánh cho thấy Se (VI) ức chế độc chất của Zn và độc chất Cu lên cây cải thìa là tương đương nhau. Điều này hết sức quan trọng để đánh giá rằng Se(VI) có thể giảm nồng độ kim loại nặng hấp thụ lên cây cải thìa. Đây là một

					nghiên cứu hữu ích cho hướng quản lý đất trong tương lai, mở ra một nền nông nghiệp mới.
94.	Đại học	So sánh sự ức chế độc chất Cu và Zn hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) của phế phẩm nông nghiệp (ngô) trong điều kiện giả định đất bị ô nhiễm	Phạm Hoàng Đăng Khoa	TS. Trần Thị Anh Thư	Đề tài nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu sử dụng phế phẩm nông nghiệp (Ngô) để ức chế độc chất kim loại nặng (Cu, Zn) hấp thụ lên cây cải thìa (<i>Brassica Rapa Chinensis</i>) trong điều kiện giả định đất ô nhiễm. Mẫu đất được lấy tại khu vực thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Thí nghiệm sẽ được thiết kế với các chậu có nồng độ Cu và Zn khác nhau. Đất được cho vào mỗi chậu là 1kg. Kim loại Cu, Zn sẽ được thêm vào chậu với lần lượt là Cu100, Cu200, Cu400, Zn200, Zn400, Zn800 và 100g ngô xay nhuyễn mỗi chậu. Sau đó tác giả phân tích nồng độ Cu, Zn trong thân, rễ cây trong mỗi chậu. Kết quả nghiên cứu cho thấy phế phẩm nông nghiệp ngô có thể làm giảm được nồng độ Cu, Zn trong đất hấp thụ lên cây. Điều này hết sức quan trọng để đánh giá rằng phế phẩm nông nghiệp ngô có thể giảm nồng độ kim loại nặng (Cu, Zn) hấp thụ lên cây cải thìa.
95.	Đại học	Đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước của công ty TNHH nội thất Mê Kông	Nguyễn Long Kim Phụng	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Thực hiện lấy mẫu nước đầu ra của Công ty TNHH nội thất Mê Kông đánh giá các nồng độ ô nhiễm đạt chỉ tiêu xả thải vào nguồn nước. - Kết quả đánh giá cho thấy nước thải của công ty đạt chuẩn thải ra nguồn nước tiếp nhận.
96.	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng chất lượng môi trường không khí từ hoạt động sản xuất của nhà máy	Đỗ Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Khảo sát quá trình xả thải không khí từ hoạt động sản xuất của nhà máy dệt nhuộm tại công ty TNHH Hoa Sen, chỉ tiêu khí thải thải ra ngoài môi trường không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường. - Kết quả đạt được hoạt động từ nhà máy khi xả thải khí thải ra ngoài môi trường không vượt chỉ tiêu cho phép.

		dệt nhuộm tại công ty TNHH Dệt May Hoa Sen			
97.	Đại học	Đánh giá xả thải vào nguồn nước của Công Ty TNHH Sehwa Vina	Nguyễn Ngọc Minh Anh	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Mẫu nước thải của công ty TNHH Sehwa Vina xả thải vào nguồn nước được lấy mẫu hàng ngày để đánh giá mức độ ảnh hưởng. - Nước thải của công ty TNHH Sehwa Vina xả thải vào nguồn nước tiếp nhận đạt chuẩn đầu ra không làm ảnh hưởng đến nguồn nước.
98.	Đại học	Thống kê, đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện nghị định 155/2016 đến kết quả chất lượng môi trường các doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương đến 2020	Ngô Sơn Điền	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Khảo sát thực tế, lấy số liệu thống kê và đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện nghị định 155/2016 đến kết quả chất lượng môi trường của các doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương. - Hầu hết các doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương thực hiện theo đúng nghị định, một vài doanh nghiệp vẫn tồn tại nhiều vấn đề nhưng không làm ảnh hưởng quá nhiều đến kết quả chất lượng môi trường.
99.	Đại học	Thực trạng chất thải rắn tại công ty TNHH Zeng Hsing Industrial	Huỳnh Ngọc Hiền	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Thực trạng chất thải rắn tại công ty TNHH Zeng Hsing Industrial được xử lý theo quy định, chất thải được đưa đi xử lý đúng cách, không ứ đọng tồn dư lâu ngày ảnh hưởng đến môi trường xung quanh - Chất thải rắn của công ty được phân loại và đưa đi xử lý theo quy định.

100.	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng một số chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ đến hiệu suất xử lý nước thải tại công ty TNHH nội thất MeKong	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Mẫu nước thải được lấy vào thí nghiệm kiểm tra nồng độ chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ COD, BOD, Tổng N, TSS,...cho thấy các chỉ tiêu ô nhiễm có nồng độ không quá cao. - Kết quả đạt được các chỉ tiêu ô nhiễm có nồng độ không làm ảnh hưởng đến hiệu suất xử lý nước thải tại công ty TNHH nội thất Mê Kông.
101.	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xử lý rác thải y tế của bệnh viện Vạn Phúc, Bình Dương	Bùi Thị Thu Kiều	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Khảo sát thực tế tại bệnh viện Vạn Phúc tỉnh Bình Dương công tác xử lý rác thải y tế cho thấy công tác xử lý rác thải của bệnh viện còn vài sơ suất, hiệu quả chưa cao. - Đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xử lý rác thải y tế nhằm giúp bệnh viện có thể xử lý rác thải đúng cách không làm ảnh hưởng đến môi trường.
102.	Đại học	Xác định khía cạnh môi trường tại khách sạn Thảo Sơn và đề xuất giải pháp khắc phục theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015	Tô Tuấn Anh	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Khảo sát tại khách sạn Thảo Sơn, xác định khía cạnh môi trường của khách sạn. - Đưa ra các giải pháp nhằm giúp khách sạn khắc phục các khía cạnh chưa đạt được theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

103.	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả phân tích chỉ tiêu CO, NO ₂ , SO ₂ và bụi tổng hợp của hệ thống xử lý khí thải lò hơi tại công ty TNHH Innovation United International	Nguyễn Minh Quang	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Thực hiện lấy mẫu nước đầu vào của công ty TNHH Innovation United International làm thí nghiệm nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả phân tích chỉ tiêu CO, NO₂, CO₂ và bụi tổng hợp của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. - Kết quả đạt được kết quả phân tích của các chỉ tiêu không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố, kết quả vẫn đạt yêu cầu.
104.	Đại học	Đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý khí thải của công ty TNHH nội thất Mekong	Ngô Thị Thanh Thảo	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Khí thải của công ty TNHH Mê Kông được đo để đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý khí thải của công ty, lượng khí thải ra môi trường hàng ngày được đo đạc và thống kê kết quả chi tiết. - Kết quả đạt được cho thấy hệ thống xử lý khí thải của công ty Mê Kông hiện nay vẫn thực hiện tốt việc xử lý khí thải không làm ảnh hưởng đến môi trường, công ty sẽ cải tạo lại hệ thống để đạt hiệu quả xử lý cao hơn.
105.	Đại học	Đánh giá hiệu suất xử lý nước thải của Công ty TNHH bao bì Tấn Trường Phát	Nguyễn Hưng Hiệp	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Đánh giá hiệu suất xử lý nước thải, các chỉ tiêu ô nhiễm của nước thải của công ty TNHH bao bì Tấn Trường Phát - Kết quả đạt được hiệu suất xử lý nước thải hiệu quả, nước thải sau xử lý đạt chuẩn đầu ra có thể xả thải vào nguồn nước không làm ảnh hưởng đến môi trường.

106.	Đại học	Đánh giá hiệu suất xử lý nước thải của Công ty TNHH bao bì Tấn Trường Phát	Đỗ Thị Trà My	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Mô tả một cách tiếp cận mới trong việc thiết kế xây dựng hệ thống xử lý nước thải, cách tiếp cận này sử dụng phần mềm Revit, các khảo sát thực tế và tra cứu các thông tin, số liệu. - Kết quả cho thấy việc vận dụng phần mềm Revit trong thiết kế xây dựng hệ thống xử lý nước thải đem lại nhiều tiện ích cho công việc,
107.	Đại học	Tính toán nhu cầu về lượng hóa chất cần thiết sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tại khu công nghiệp Đại Đăng hàm lượng 2000(m3)/ngày, đêm	Nguyễn Hoàng Trúc My	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Lấy mẫu nước thải đầu vào của khu công Đại Đăng, thực hiện tính toán lượng hóa chất cần cho việc xử lý nước thải, đưa ra lượng hóa chất cần thiết để xử lý nước thải hiệu quả cho khu công nghiệp. - Kết quả đạt được lượng hóa chất được tính toán đạt hiệu quả, nước thải được xử lý đạt chuẩn.
108.	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Công ty CP Nước - Môi Trường Bình Dương - Chi nhánh xử lý chất thải	Thượng Thị Trà My	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Kết quả điều tra khảo sát cho thấy công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt có chuyển biến tích cực và đạt thành công - Lượng chất thải rắn sinh hoạt đã được chi nhánh xử lý và tái sử dụng đem lại hiệu quả kinh tế cao, vẫn còn nhiều ẩn đề về xử lý mùi, mùi phát sinh vẫn chưa được triệt để.

		trong 6 tháng đầu năm 2020			
109.	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung hóa chất và dinh dưỡng cần thiết đến các chỉ tiêu phân tích nước thải tại hệ thống xử lý của công ty TNHH Juwon Việt Nam	Phan Thành Nhân	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Mẫu nước thải ra của công ty TNHH Juwon Việt Nam được lấy vào kiểm tra, thực hiện việc bổ sung hóa chất và chất dinh dưỡng cần và đủ cho các chỉ tiêu ô nhiễm kim loại nặng là chủ yếu. - Kết quả đạt được lượng hóa chất và chất dinh dưỡng được tính toán và đưa vào hệ thống kiểm tra đạt chuẩn nước thải đầu ra của khu công Rạch Bắp.
110.	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải xi mạ của công ty JUWON và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý	Nguyễn Quốc Phú	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Mẫu nước thải được đưa vào nghiên cứu kiểm tra hiệu quả xử lý nước thải xi mạ bao gồm các kim loại nặng của công ty TNHH Juwon Vina. - Kết quả đưa ra hiệu quả đạt chuẩn xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn và đưa ra một số giả pháp nâng cao thêm hiệu quả xử lý nước thải xi mạ.
111.	Đại học	Đánh giá nồng độ các chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ trong nước thải ảnh	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Phân tích các chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ COD, BOD, Nito Tổng, Amoni trong nước thải, tiến hành phân tích và theo dõi sự biến động chất lượng nước theo thời gian (13 – 19/11/2020).

		hướng đến hệ thống xử lý công nghệ Multech tại KCN Rạch Bắp-An Điền			- Kết quả đánh giá cho thấy, nước thải đầu vào của nhà máy có các chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ trong các ngày 13 – 19 tháng 11 năm 2020 có nồng độ không quá cao, không làm ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.
112.	Đại học	Sử dụng phương pháp keo tụ điện hóa trong xử lý nước thải thực phẩm của Công ty cổ phần thực phẩm An Điền	Trần Thái Thảo Vy	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Phương pháp keo tụ điện hóa trong xử lý nước thải thực phẩm của công ty cổ phần thực phẩm An Điền được đưa vào sử dụng một cách có hiệu quả đạt được hiệu suất xử lý cao. - Nước thải được xử lý đưa ra nguồn thải không gây ảnh hưởng đến nguồn nước và môi trường.
113.	Đại học	Nghiên cứu khả năng chịu tải nồng độ ô nhiễm của hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ Multech Khu công nghiệp Rạch Bắp - An Điền	Phạm Thị Hồng Đào	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Mô phỏng mô hình các bể xử lý nước thải bằng phương pháp vi sinh, kiểm tra nồng độ các chỉ tiêu kim loại nặng, sức chịu được của vi sinh - Kết quả đạt được lượng vi sinh và lượng hóa chất cần và đủ để xử lý các chỉ tiêu ô nhiễm kim loại nặng của hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ Multech KCN Rạch Bắp – An Điền.
114.	Đại học	Đánh giá hiện trạng môi trường nước	Trần Chí Công	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Đánh giá đặc tính nước thải của công ty TNHH dệt may Hoa Sen để đưa ra biện pháp thích hợp

		thải ở Công ty TNHH sản xuất kim loại JUWON VINA			- Kết quả phân tích các nồng độ ô nhiễm phù hợp cho việc áp dụng hệ thống xử lý sinh học kết hợp khử trùng, đề xuất các phương pháp sinh học, nước thải sau khi ra khỏi hệ thống đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột B.
115.	Đại học	Tính toán nhu cầu vi sinh cần thiết dựa vào hệ thống nước thải đầu vào tại Khu công nghiệp Đại Đăng	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	ThS. Nguyễn Thanh Tuyền	- Nước thải của KCN Đại Đăng được đưa vào nghiên cứu và tính toán nhu cầu lượng vi sinh cần thiết dựa vào hệ thống nước thải đầu vào hàng ngày, lượng vi sinh được tính toán để xử lý lượng nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải. - Nhu cầu vi sinh cần thiết được đưa vào hệ thống hoạt động cho kết quả đạt tiêu chuẩn có thể xả thải ra nguồn thải không làm ảnh hưởng đến môi trường.
116.	Đại học	Ứng dụng GIS phân vùng đánh giá chất lượng nước mặt tỉnh Bình Dương	Phạm Thị Thùy Linh	ThS. Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích xây dựng các bản đồ ô nhiễm nước mặt dựa vào 34 mẫu quan trắc tại Bình Dương trên cơ sở ứng dụng phần mềm ArcGis 10.4.1 để xây dựng các bản đồ chuyên đề về chất lượng nước theo phương pháp nội suy IDW và tổng hợp chỉ số chất lượng nước WQI để đánh giá.

Bình Dương, ngày tháng 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

TS. Nguyễn Quốc Cường